

Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh và Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh khuyến cáo các Nhà đầu tư nên đọc kỹ các thông tin trong tài liệu này và Quy chế đấu giá trước khi đăng ký tham dự đấu giá. Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG NGHỆ TĨNH



Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNH

Địa chỉ: Số 10, Đường Trường Thi, Tp. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 038.3847143 - Fax: 038.3847142

Website: www.nghetinhport.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Địa chỉ: Số 2A, Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04 3726 2222 Fax: 04 3726 2305

Website: www.shbs.com.vn

THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

❖ Cổ phần chào bán	:	3.894.156 cổ phần
❖ Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
❖ Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
❖ Giá khởi điểm	:	10.100 đồng/cổ phần
❖ Bước giá	:	100 đồng
❖ Số mức giá	:	02 mức giá
❖ Bước khối lượng	:	100 cổ phần (trừ trường hợp đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán)
❖ Số lượng cổ phần tối thiểu nhà đầu tư được phép mua	:	100 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT trong nước được phép mua	:	3.894.156 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT nước ngoài được phép mua	:	3.894.156 cổ phần
❖ Thời gian nhận hồ sơ tham gia đấu giá nhận tiền nộp đặt cọc	:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
❖ Thời gian tiến hành đấu giá	:	8 giờ 30 phút ngày 31/12/2014
❖ Địa điểm tổ chức đấu giá	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số 02 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
❖ Thời gian nộp tiền mua cổ phần	:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	5
1. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	5
2. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	6
PHẦN II: TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ	8
1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ	8
1.1. Thông tin chung:	8
1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	12
1.3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu	14
1.4. Lao động chuyển sang Công ty cổ phần	14
1.5. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con	16
2. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ.....	16
2.1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013	16
2.2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	19
3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ	26
3.1. Sản lượng qua các năm của công ty.....	26
3.2. Cơ cấu doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của công ty qua các năm	29
3.3. Nguồn nguyên vật liệu, sự ổn định và ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận.....	32
3.4. Chi phí sản xuất.....	32
3.5. Công nghệ và đổi mới công nghệ	33
3.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	34
3.7. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ.....	36
3.8. Hoạt động marketing	36
3.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	37
3.10. Các hợp đồng lớn đã, đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	37
3.11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hoá.....	39
3.12. Vị thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành.....	42
PHẦN III: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ	45
1. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA.....	45
2. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA	45
3. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ	45
3.1. Thông tin chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá.....	45
3.2. Hình thức pháp lý	46
3.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến	46
3.4. Cơ cấu tổ chức	47

3.5.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần	48
4.	PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HOÁ ...	49
4.1.	Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá	49
4.2.	Giải pháp thực hiện	52
	PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN	54
1.	RỦI RO KINH TẾ	54
1.1.	Tốc độ tăng trưởng	54
1.2.	Lạm phát	55
1.3.	Lãi suất	56
2.	RỦI RO LUẬT PHÁP	56
3.	RỦI RO ĐẶC THÙ	57
3.1.	Rủi ro cạnh tranh ngành	57
3.2.	Rủi ro về nguyên nhiên liệu	57
4.	RỦI RO LIÊN QUAN TỚI CÁC VẤN ĐỀ CẦN XỬ LÝ KHI CỔ PHẦN HÓA VÀ BÀN GIAO SANG CÔNG TY CỔ PHẦN	58
5.	RỦI RO TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN	58
6.	RỦI RO KHÁC	58
	PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	59
1.	THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC BÁN ĐẤU GIÁ	59
2.	ĐỐI TƯỢNG MUA CỔ PHẦN	59
3.	PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN	60
4.	ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ THÔNG TIN	61
5.	THỜI GIAN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN VÀ HOÀN TRẢ TIỀN ĐẶT CỌC	61
6.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ	61
	PHẦN VI: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	63
1.	Ban chỉ đạo cổ phần hóa	63
2.	Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh	64
3.	Tổ chức tư vấn:	64

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1 : Trình độ nguồn nhân lực Công ty hiện nay.....	15
Bảng 2: Giá trị doanh nghiệp của Cảng Nghệ Tĩnh tại thời điểm 31/12/2013	17
Bảng 3: Tình hình tài sản của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013	19
Bảng 4: Danh mục một số máy móc thiết bị giá trị lớn của công ty tại thời điểm 31/12/2013.....	20
Bảng 5: Danh mục một số phương tiện vận tải giá trị lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2013.....	21
Bảng 6: Danh mục một số phương tiện vận tải giá trị lớn tăng thêm từ 1/1/2014-31/10/2014	22
Bảng 7: Sản lượng qua các năm của Cảng Nghệ Tĩnh giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng 2014.....	26
Bảng 8: Giá trị sản lượng các năm 2011-2013, 9 tháng đầu năm 2014	28
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm	29
Bảng 10: Cơ cấu chi phí giá vốn qua các năm.....	30
Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm	31
Bảng 12: Chi phí sản xuất qua các năm.....	32
Bảng 13: Luồng vào cảng	33
Bảng 14: Cầu bến	33
Bảng 15: Danh mục thiết bị chính.....	34
Bảng 16: Các Hợp đồng, dự án lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	37
Bảng 17: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa và dự kiến năm 2014	39
Bảng 18: Cơ cấu cổ đông của Công ty theo phương án cổ phần hoá	49
Bảng 19: Chi tiết kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa	50
Bảng 20: Kế hoạch kinh doanh 5 năm 2015 - 2019	51
Bảng 21: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hoá.....	61

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu doanh thu của công ty	30
Hình 2: Cơ cấu chi phí giá vốn của công ty.....	30
Hình 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty	32
Hình 4: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%).....	54
Hình 5: Đóng góp tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2012 – 2014 của các ngành kinh tế.....	55
Hình 6: Tốc độ lạm phát qua các năm (%)	55

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- ❖ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- ❖ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- ❖ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 28/12/2011 Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- ❖ Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTTXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội - hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP;
- ❖ Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- ❖ Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
- ❖ Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- ❖ Căn cứ văn bản số 2342/TTg-ĐMDN ngày 21/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015.
- ❖ Nghị quyết số 749/NQ-HHVN ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc Phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa Công ty TNHH một

thành viên Cảng Nghệ Tĩnh năm 2014, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là ngày 01 tháng 01 năm 2014;

- ❖ Quyết định số 79/QĐ-HHVN ngày 25 tháng 03 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh;
- ❖ Quyết định số 476/QĐ-HHVN ngày 04 tháng 9 năm 2014 về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh
- ❖ Công văn số 900/HHVN-BCĐCPHCNTgT ngày 27 tháng 3 năm 2014 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên cảng Nghệ Tĩnh về việc triển khai thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh.
- ❖ Quyết định số 101/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 03 năm 2014 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh;
- ❖ Quyết định số 535/QĐ-HHVN ngày 24/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh;
- ❖ Nghị quyết số 3671/NQ-HHVN ngày 22/10/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh;
- ❖ Căn cứ văn bản số 4229/UBND.ĐC ngày 20/06/2014 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An về việc phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh trên địa bàn tỉnh Nghệ an.
- ❖ Quyết định số 658/QĐ-HHVN ngày 01/12/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh thành công ty cổ phần.

2. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- ❖ **Bán đấu giá cổ phần** Là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh.
- ❖ **Nhà đầu tư** Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.
- ❖ **Ban chỉ đạo cổ phần hoá** Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh
- ❖ **Công ty** : Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

❖ SHBS	: Công ty cổ phần Chứng khoán SHB
❖ GTVT	: Giao thông vận tải
❖ CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
❖ HĐTV	: Hội đồng thành viên
❖ HĐQT	: Hội đồng quản trị
❖ ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
❖ DTT	: Doanh thu thuần
❖ ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
❖ GTDN	: Giá trị doanh nghiệp
❖ MTV	: Một thành viên
❖ SXKD	: Sản xuất kinh doanh
❖ TMCP	: Thương mại cổ phần
❖ TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
❖ CP	: Cổ phần
❖ TSCĐ	: Tài sản cố định
❖ XD CB	: Xây dựng cơ bản
❖ QSDĐ	: Quyền sử dụng đất
❖ XNXD	: Xí nghiệp xếp dỡ
❖ ATLĐ	: An toàn lao động
❖ ANCB	: An ninh cảng biển

PHẦN II: TÌNH HÌNH CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HOÁ

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

1.1. Thông tin chung:

1.1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh.
- Tên tiếng Anh: Nghetinhport holding limited Company.
- Tên viết tắt tiếng Việt: Cảng Nghệ Tĩnh.
- Tên viết tắt tiếng Anh: NgheTinhport.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 038.3847143, Fax: 038.3847142.
- Websites: <http://nghetinhport.com.vn>



- Logo: 
- Giấy CNĐKKD: 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, thay đổi lần 1 ngày 16/10/2012.
- Vốn điều lệ: 156.425.564.105 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm lẻ năm đồng)

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển



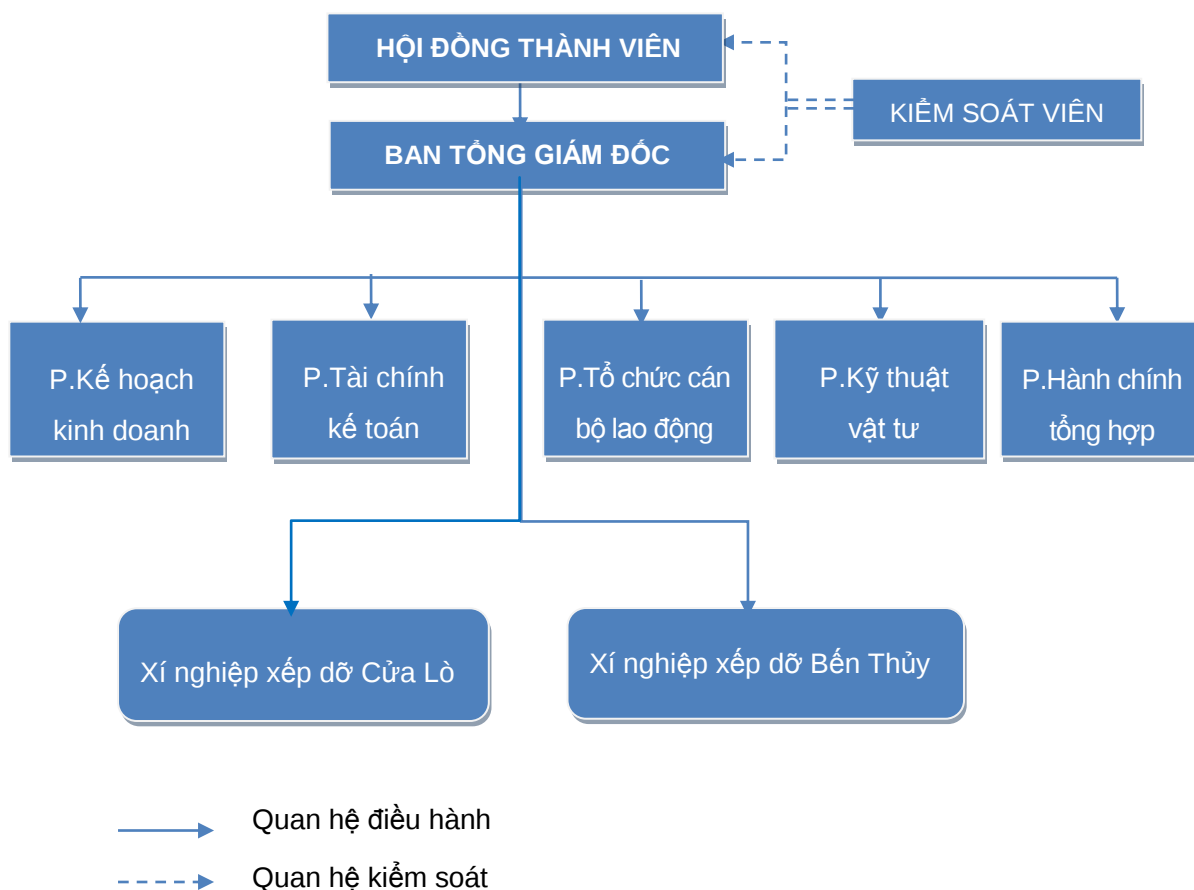
1.1.3. Những thành tựu đạt được

Trải qua hơn 100 năm lịch sử, gần 60 năm xây dựng và phát triển, Cảng Nghệ Tĩnh đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng những phần thưởng cao quý:

- Danh hiệu Anh Hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
- Huân chương độc lập hạng nhì, hạng ba.
- 7 Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba.
- 6 Huân chương chiến công hạng nhì, hạng ba.
- 1 Huân chương lao động hạng nhất năm 2000.
- 1 Huân chương lao động hạng nhì năm 1986.
- 4 Huân chương lao động hạng ba năm 1965, 1971, 1976, 1995.
- Năm 1969 vinh dự được Bác Hồ tặng lẵng hoa.
- Năm 1973 vinh dự được Bác Tôn tặng lẵng hoa.
- 17 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều cờ thi đua luân lưu của Bộ Giao thông Vận Tải, UBND Tỉnh Nghệ An, Cục Hàng Hải Việt Nam.

1.1.4. Cơ cấu bộ máy quản lý

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức Cảng Nghệ Tĩnh trước cổ phần hoá



Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên với cơ quan quyền lực cao nhất là Hội đồng thành viên, dưới Hội đồng thành viên là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các phòng ban chịu trách nhiệm về các hoạt động cụ thể. Kiểm soát viên có nhiệm vụ kiểm tra việc tuân thủ luật pháp, quy trình, quy chế, tính trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Ban điều hành và các phòng ban.

❖ **Tổng Giám đốc**

Tổng giám đốc: là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ về các mặt công tác và các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực công tác: Tổ chức cán bộ, lao động tiền lương và các chính sách liên quan, ký kết Hợp đồng lao động, tiếp nhận, đề bạt bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển chuyển lao động, công tác sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, nâng lương, nâng bậc hàng năm, công tác đối nội, đối ngoại, bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh cảng biển, lĩnh vực Tài chính – kế toán, Kỹ thuật vật tư... Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên công ty và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Phó Tổng giám đốc: 2 Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc bằng việc trực tiếp chỉ đạo giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực công tác:

- Công tác kế hoạch kinh doanh, Marketing, thương vụ hàng hóa và hợp đồng kinh tế.
- Công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư, kinh doanh, khai thác cảng và nội chính, phân tích các hoạt động kinh tế, theo dõi chỉ đạo công tác thực hiện hợp đồng thu hồi công nợ, xử lý nợ, tài sản của công ty.
- Công tác pháp chế, đấu thầu, xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, phương tiện, thiết bị, công tác thông tin, tuyên truyền, quản lý mạng
- Công tác đối nội, đối ngoại với các cơ quan, đơn vị quần chúng và CBNV. Công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động, an ninh quốc phòng, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, an toàn hàng hải, an ninh trật tự, dân quân tự vệ.
- Công tác xếp dỡ, bảo quản hàng hóa, quản lý phương tiện thiết bị, kho tàng, bến bãi cầu tàu, luồng lạch, các dịch vụ phụ trợ.
- Công tác chuyển tải, vận tải hàng hóa, lai dắt, hộ tống phương tiện ra vào cảng, tiếp nhận, bố trí sắp xếp cho tàu ra, vào Cảng Cửa Lò, khu vực Hòn Ngư làm hàng.

❖ **Phòng kế hoạch kinh doanh:**

- Tham mưu tổng hợp cho lãnh đạo công ty về công tác kế hoạch, khai thác kinh doanh, thương vụ, hợp đồng, marketing và công tác đầu tư:
- Căn cứ vào nguồn hàng, sản lượng thông qua để lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực công tác kế hoạch đầu tư ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, xác lập kế hoạch tháng, quý, 6 tháng và hàng năm của công ty.

- Theo dõi và chỉ đạo hai xí nghiệp xếp dỡ thực hiện kế hoạch bốc xếp, giải phóng tàu, kho, bãi.
- Soạn thảo các hợp đồng kinh tế, giao dịch đối nội, đối ngoại. Công tác thương vụ, marketing.
- Theo dõi toàn diện các mặt hoạt động SXKD chung của công ty. Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp bổ sung về kế hoạch để Tổng giám đốc công ty có chủ trương chỉ đạo kịp thời, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả kinh tế cao.
- Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo công ty về công việc được phụ trách.

❖ **Phòng Tài chính kế toán**

- Xây dựng các phương án tài chính phục vụ công tác quản lý vốn và tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.
- Hạch toán kế toán trong toàn đơn vị, quản lý kế toán, tài sản, vật tư tiền vốn của Công ty đảm bảo đúng chế độ của nhà nước.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý kế toán đúng chế độ chính sách và pháp luật của nhà nước.

❖ **Phòng Tổ chức cán bộ lao động**

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc công ty về công tác tổ chức cán bộ lao động.
- Ban hành các quy chế, chế độ chính sách cho người lao động, tiền lương, BHXH, định mức lao động kỹ thuật, bảo hộ lao động, ATLĐ, ANCB, thanh tra, kiểm tra các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.
- Tham mưu cho Tổng giám đốc ký các loại hợp đồng lao động.
- Căn cứ các chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước, các nội quy, điều lệ của chủ sở hữu, của công ty và các cơ quan quản lý chuyên ngành để nghiên cứu và áp dụng đúng đắn và đề ra được những quy định cụ thể cũng như các biện pháp cần thiết nhằm phát triển sản xuất của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về công việc được phụ trách.

❖ **Phòng kỹ thuật vật tư**

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc công tác quản lý về kỹ thuật cơ khí, quản lý vật tư, nhiên liệu, quản lý phương tiện thiết bị, dụng cụ mang hàng, các công trình xây dựng trong phạm vi toàn cảng đảm bảo đúng quy tắc, quy trình kỹ thuật an toàn, xây dựng các định mức kỹ thuật về nhiên liệu để tận dụng công suất máy móc giải phóng sức lao động con người.
- Tham mưu cho hội đồng thành viên và Tổng giám đốc trong công tác đầu tư phương tiện thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh cho Công ty.

❖ Phòng Hành chính tổng hợp

- Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về công tác hành chính văn thư, lưu trữ, công tác thông tin liên lạc bảo mật. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nguyên tắc thủ tục hành chính đảm bảo chế độ giờ giấc làm việc, nội quy ra vào cơ quan. Công tác lễ nghi khánh tiết, thăm hỏi, hiếu hỉ, đối nội, đối ngoại.
- Bộ phận y tế là bộ phận chức năng giúp Ban lãnh đạo về công tác vệ sinh phòng bệnh, chữa bệnh, quản lý và chăm lo sức khỏe cho CBCNV trong công ty.
- Quản lý điều hành xe con, xe ca đưa đón cán bộ lãnh đạo đi công tác, đưa đón công nhân phục vụ sản xuất.
- Bảo vệ an toàn tài sản, thiết bị công trình khu văn phòng cảng.
- Vệ sinh công nghiệp đảm bảo sạch sẽ tại khu vực văn phòng Công ty.
- Cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty lên trang website Cảng Nghệ Tĩnh.

❖ Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa lò và Xí Nghiệp xếp dỡ Bến Thủy:

- Xếp dỡ, giao nhận, bảo quản, lưu kho bãi hàng hóa, lai dắt hỗ trợ tàu biển và một số dịch vụ hàng hải
- Quản lý nhân lực, phương tiện thủy, bộ, máy móc thiết bị xếp dỡ, công cụ mang hàng, kho tàng bến bãi, cầu tàu, nhà cửa ... đã được trang bị.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận ĐKKD số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, thay đổi lần 1 ngày 16/10/2012, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	▪ Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
	Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy	
2	▪ Xây dựng nhà các loại	4100
	Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng	
3	▪ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
	Chi tiết: xây dựng công trình giao thông, cảng	
4	▪ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
	Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, điện năng	

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
	(đường dây và trạm biến áp dưới 35 Kv)	
5	- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại - Chi tiết: Gia công các mặt hàng cơ khí	2592
6	- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, sắt, thép, phế liệu, hàng lâm sản, thổ sản	4663
7	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh khí hóa lỏng (gas)	4661
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9	- Bốc xếp hàng hóa - Chi tiết: Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa	5224
10	- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Chi tiết: Dịch vụ dẫn dắt tàu ra vào cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; Dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hóa.	5229
11	- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) - Chi tiết: sửa chữa phương tiện vận tải thủy đến 400 tấn; phá vỡ tàu thủy, phương tiện thiết bị cũ.	3315
12	- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa - Chi tiết: kinh doanh kho bãi và kho ngoại quan	5210
13	- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Chi tiết: Kinh doanh nhà nghỉ	5510
14	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Xây dựng và cho thuê văn phòng làm việc.	6810

1.3. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng
- Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa
- Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan
- Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển
- Kinh doanh dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển

Một số hình ảnh về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh



Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng



Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa



Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan



Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển



Hộ tống cứu nạn, cứu hộ trên biển



Xây dựng và sửa chữa công trình cảng

1.4. Lao động chuyển sang Công ty cổ phần

- ❖ Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, công ty có tổng cộng 572 lao động. Trong đó:
 - XNXD Cửa Lò: 424 người
 - XNXD Bến Thủy: 94 người
 - Văn Phòng Cảng: 54 người
- ❖ Kế hoạch giải quyết lao động dôi dư: 53 người
- ❖ Lao động tiếp tục sử dụng: 519 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 1 : Trình độ nguồn nhân lực Công ty hiện nay

Cơ cấu lao động		Số lượng lao động
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	572
<i>Trong đó:</i>		
1	Phân theo trình độ:	
2	<i>Trình độ đại học và trên đại học</i>	<i>94</i>
3	<i>Trình độ cao đẳng, trung cấp</i>	<i>71</i>
4	<i>Công nhân kỹ thuật</i>	<i>111</i>
5	<i>Lao động phổ thông</i>	<i>296</i>
6	Phân theo tính chất hợp đồng lao động	
7	<i>Lao động không ký hợp đồng lao động</i>	<i>8</i>
8	<i>Lao động không xác định thời hạn</i>	<i>494</i>
9	<i>Lao động có thời hạn từ 1 – 3 năm</i>	<i>68</i>
10	<i>Lao động thời vụ dưới 1 năm</i>	<i>2</i>

❖ Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

- Năm 2011: 5.200.000 đồng/1người/1tháng
- Năm 2012: 6.200.000 đồng/1người/1tháng
- Năm 2013: 7.000.000 đồng/1người/1tháng
- Dự kiến năm 2014: 7.900.000 đồng/1người/1tháng

❖ Chính sách nhân sự

Đối với doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố nguồn nhân lực có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Nhận thức được điều đó, Cảng Nghệ Tĩnh luôn chú trọng quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, đào tạo nguồn nhân công lao động trực tiếp. Hàng năm Công ty tổ chức các khóa đào tạo các cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cũng như chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty. Ngoài ra, để khuyến khích nâng cao tinh thần làm việc của người lao động, Cảng Nghệ Tĩnh luôn chú trọng tới đời sống cán bộ, công nhân viên, luôn cải tạo điều kiện làm việc nhằm đảm bảo cho cán bộ công nhân viên một môi trường làm việc thân thiện, gắn bó và hiệu quả.

1.5. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con

1.5.1. Danh sách công ty mẹ

Chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Vinalines

- ❖ Tên gọi đầy đủ bằng Tiếng Việt: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- ❖ Tên giao dịch quốc tế bằng Tiếng Anh: VIETNAM NATIONAL SHIPPING LINES
- ❖ Tên viết tắt: VINALINES
- ❖ Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- ❖ Vốn điều lệ: 10.693.000.000.000 đồng.
- ❖ Địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- ❖ Điện thoại: (84) 4 35770825~29 Fax: (84) 4 35770850/60/31/32
- ❖ Email: vnl@vinalines.com.vn
- ❖ Website: <http://www.vinalines.com.vn>; <http://www.vinalines.vn>
- ❖ Ngành, nghề kinh doanh chính:
 - Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
 - Khai thác cảng biển, cảng sông;
 - Kinh doanh kho, bãi, dịch vụ Logistics;
 - Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
 - Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy.

1.5.2. Danh sách Công ty con

Không có

2. GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HOÁ

2.1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-HHVN ngày 24/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013 là **252.080.482.710 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi hai tỷ, tám mươi triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm mười đồng).
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là **215.172.591.316 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười lăm tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm chín mươi mốt nghìn, ba trăm mười sáu đồng). Cụ thể như sau:

Bảng 2: Giá trị doanh nghiệp của Cảng Nghệ Tĩnh tại thời điểm 31/12/2013
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán (sau KT thuế)	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	195.896.646.556	252.080.482.710	56.183.836.153
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	151.397.031.732	206.212.098.149	54.815.066.417
1. Tài sản cố định	147.835.748.629	202.650.815.046	54.815.066.417
a. Tài sản cố định hữu hình	147.835.748.629	202.650.815.046	54.815.066.417
b. Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0
c. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm GT QSD đất)	0	0	0
2. Bất động sản đầu tư	0	0	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.049.719.186	1.049.719.186	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm GT lợi thế KD)	11.563.917	11.563.917	0
7. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
8. Tài sản dài hạn khác	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	44.499.614.824	45.138.690.126	639.075.301
1. Tiền	27.679.004.015	27.678.973.855	-30.160
a. Tiền mặt tồn quỹ	85.309.987	85.309.000	-987
b. Tiền gửi ngân hàng	6.433.296.605	6.433.267.432	-29.173
c. Tiền đang chuyển	21.160.397.423	21.160.397.423	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
3. Các khoản phải thu	13.610.229.325	13.973.173.752	362.944.427
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	2.436.914.815	2.436.914.815	0
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	773.466.669	1.049.627.703	276.161.034
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế	Số liệu xác định	Chênh lệch
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	0	729.694.435	729.694.435
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0
1. Tài sản cố định	0	0	0
2. Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	0	0	0
2. Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0
1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0
2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D)	195.896.646.556	252.080.482.710	56.183.836.153
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	195.896.646.556	252.080.482.710	56.183.836.153
E1. Nợ thực tế phải trả	36.907.891.394	36.907.891.394	0
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	0	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}	158.988.755.162	215.172.591.316	56.183.836.153

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Lưu ý của đơn vị định giá:

1. Đối với đất đai

Tại thời điểm lập Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh có 02 lô đất gồm: lô đất nhà trẻ Cảng Nghệ Tĩnh tại phường Bến Thủy, thành phố Vinh, diện tích 410,5m² và lô đất nhà nghỉ cán bộ công nhân viên tại phường Thu Thủy, thị xã Cửa Lò, diện tích 2.617,6m² đang trong thời gian hoàn thiện hồ sơ thuê đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh có trách nhiệm tiếp tục hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ nói trên sau khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

2. Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả

Tại thời điểm lập Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh đã có các Biên bản đối chiếu công nợ tuy nhiên chưa đầy đủ (tỷ lệ đối chiếu xác nhận mới được 97%). Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh có trách nhiệm tiếp tục hoàn thiện hồ sơ và thu hồi, thanh toán các khoản công nợ nói trên sau khi chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

2.2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

2.2.1. Thực trạng tài sản của Doanh nghiệp

Bảng 3: Tình hình tài sản của Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2013

TT	Danh mục tài sản	Giá trị còn lại của tài sản theo giá trị sổ sách (triệu đồng)	Cơ cấu tài sản (%)
A	TÀI SẢN DÀI HẠN	151.397	77,28
I	Tài sản cố định	148.885	76,00
1	Tài sản cố định hữu hình	147.836	75,47
a	Nhà cửa vật kiến trúc	96.367	49,19
b	Máy móc, thiết bị	5.791	2,96
c	Phương tiện vận tải	43.570	22,24
d	Thiết bị, dụng cụ quản lý	69	0,04
e	Tài sản cố định hữu hình khác	2.037	1,04
2	Tài sản cố định vô hình		0,00
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.049	0,54
II	Đầu tư tài chính dài hạn	2.500	1,28
III	Tài sản dài hạn khác	11	0,01
B	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	44.499	22,72
I	Vốn bằng tiền	27.679	14,13

TT	Danh mục tài sản	Giá trị còn lại của tài sản theo giá trị sổ sách (triệu đồng)	Cơ cấu tài sản (%)
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn		
III	Các khoản phải thu	13.610	6,95
IV	Vật tư hàng hóa tồn kho	2.436	1,24
V	Tài sản ngắn hạn khác	773	0,39
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		195.896	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013 của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Trong tổng tài sản của Công ty, tài sản cố định chiếm 76%, trong đó chủ yếu là giá trị tài sản là nhà cửa vật kiến trúc (chiếm 49,19% tổng tài sản) và phương tiện vận tải (chiếm 22,24% tổng tài sản). Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn chỉ chiếm 22,72% tổng tài sản. Các khoản tiền và tương đương tiền của Công ty chiếm tỷ trọng tới 14,13% là do Công ty đang triển khai kế hoạch cổ phần hóa, các dự án đầu tư mới, sửa chữa lớn chưa triển khai hoặc giải ngân như những năm trước mà còn phải chờ sau khi chuyển sang Công ty cổ phần sẽ thực hiện. Cơ cấu tài sản của công ty có giá trị tài sản cố định lớn và hầu như không có nợ phải thu và hàng tồn kho.

2.2.2. Một số tài sản máy móc thiết bị, phương tiện vận tải giá trị lớn

Bảng 4: Danh mục một số máy móc thiết bị giá trị lớn của công ty tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị tính: VNĐ

Tên tài sản	Số lượng	Nước sản xuất	Nguyên giá theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại xác định lại
Hệ thống điện bến 4	1	Việt Nam	3.254.407.416	2.238.258.205	2.238.258.205
Đường dây cáp ngầm 24KV cho trạm biến áp, công trình đo đếm trung thế, đường dây phục vụ máy phát.	1	Việt Nam	2.693.818.744	1.860.074.617	1.860.074.617
Máy Phát điện 800/900KVA	1	Nhật Bản	1.495.000.000	697.788.289	697.788.289
Hệ thống điện bến số 3	1	Việt Nam	1.369.459.323	437.274.139	586.367.702
Hệ thống điện bến 1 bến 2	1	Việt Nam	771.718.196	463.042.017	463.042.017
Đường điện hạ thế trong Cảng Cửa Lò	1	Việt Nam	370.669.739	0	74.133.948
Hệ thống điện hạ thế Bến Thủy	1	Việt Nam	290.864.047	0	58.172.809

Nguồn: Biên bản XĐGT Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh thời điểm 31/12/2013

Bảng 5: Danh mục một số phương tiện vận tải giá trị lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2013
Đơn vị tính: đồng

Tên tài sản	Số lượng	Nước sản xuất	Nguyên giá theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại xác định lại
Cần cầu chân đế 40T/29.5M (Số 2)	1	Đức	24.373.779.567	20.108.368.139	20.108.368.139
Cần cầu chân đế 40T/29.5M (Số 1)	1	Đức	16.373.343.296	8.587.935.088	12.796.234.273
Cần cầu bánh xích 60 Tấn (KH 230)	1	Nhật Bản	4.801.818.182	2.161.208.848	2.600.984.849
Cần cầu bánh xích thủy lực 50 tấn (KH 180)	1	Nhật Bản	4.090.909.091	3.510.263.930	3.607.954.546
Tàu lai dẹt CL09	1	Việt Nam	3.263.063.764	-	652.612.753
Cần cầu bánh xích Q50	1	Trung Quốc	3.242.438.000	2.107.631.097	2.107.631.097
Cầu bánh lốp 130 tấn (AK 150)	1	CHDC Đức	2.199.178.095	51.735.773	439.835.619
Máy đào bánh xích Hitachi ZX210LCH	1	Nhật Bản	1.981.818.181	1.407.517.106	1.408.191.919
Máy xúc KOMATSU WA380-5 (Xúc 8)	1	Nhật Bản	1.500.000.000	1.364.583.333	1.364.583.333
Nguyên giá mới BT04	1	Việt Nam	1.453.227.939	100.602.534	473.863.659
Máy xúc KOMATSU WA350-3 (Xúc 7)	1	Nhật Bản	1.100.000.000	779.166.664	779.166.664
Bộ 03 đầu kéo ZETO 7011	3	Tiệp Khắc	991.370.000	647.180.090	798.603.611
Xe oto Ford 5 chỗ	1	Việt Nam	920.461.153	460.230.569	460.230.569
Máy xúc LW 500F (xúc 6)	1	Trung Quốc	868.181.818	405.222.146	405.222.146
Máy xúc LW500F 3m3(xúc 5)	1	Trung Quốc	843.000.000	472.446.408	472.446.408
Oto tải 6 tấn Cửa lò (37C - 004.37; 37C - 004.38)	2	Việt Nam	707.909.090	353.971.506	353.971.506
Oto tải 6 tấn Bến thủy	2	Việt Nam	707.909.090	353.902.704	353.954.545
Cần cầu KC3	1	Liên Xô	536.190.476	-	107.238.095
Xe ca TRANSICO 2113	1	Việt Nam	526.629.333	21.758.784	115.666.667

Tên tài sản	Số lượng	Nước sản xuất	Nguyên giá theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại theo sổ sách kế toán	Giá trị còn lại xác định lại
Đầu lai BT02	1	Việt Nam	515.968.500	-	436.292.678

Nguồn: Biên bản XĐGT Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh thời điểm 31/12/2013

Từ thời điểm 31/12/2013 đến 31/10/2014, Công ty có đầu tư thêm một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải với tổng giá trị tài sản tăng thêm theo nguyên giá là: 6.528.447.154 đồng, giá trị còn lại đến thời điểm 31/10/2014 là: 6.007.876.683 đồng, trong đó có một số tài sản có giá trị lớn như sau:

Bảng 6: Danh mục một số phương tiện vận tải giá trị lớn tăng thêm từ 1/1/2014-31/10/2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên tài sản	Nước SX	Năm SX	Ngày tăng	Nguyên giá	Giá trị còn lại (31/10/2014)
I	Máy móc thiết bị động lực					
2	Hệ thống nhà cân điện tử 150 tấn	Việt Nam	2014	01/05/2014	640,795,200	587,395,602
II	Thiết bị, phương tiện vận tải xếp dỡ					
3	Hệ thống đầu kéo và máy hút bụi	Việt Nam	2003	22/01/2014	272,000,000	236,866,665
4	Máy xúc KOMATSU WA380-5 (Xúc 9)	Nhật Bản	2 004	13/02/2014	1,545,454,545	1,363,005,054
5	Xe Toyota Innova E (Nâu vàng)	Lắp ráp tại Việt Nam	2014	21/03/2014	716,109,091	643,172,051
6	Xe ô tô Camry 14641 (nâu vàng)	Lắp ráp tại Việt Nam	2014	15/05/2014	941,390,909	869,043,273
7	Băng tải cánh bướm di động số 3	Lắp ráp tại Việt Nam	2014	01/05/2014	190,500,000	174,625,002
8	Băng tải cánh bướm di động số 4	Lắp ráp tại Việt Nam	2014	01/05/2014	190,500,000	174,625,002
9	Xe nâng hàng hiệu Komatsu FD50HD-6	Nhật Bản	1997	22/08/2014	551,000,000	533,398,611
10	Máy kéo Zetor 7011 số 23-57	Czech	1983	09/09/2014	350,333,333	342,061,573
11	Máy kéo Zetor 7211 số 23-58	Czech	1985	09/09/2014	350,333,333	342,061,573
12	Máy kéo Zetor 7211 số 23-59	Czech	1985	09/09/2014	350,333,334	342,061,574
III	Tài sản cố định khác					
13	Moóc kéo số 16	Việt Nam	2014	01/09/2014	104 529 625	101 674 418

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

2.2.3. Đất đai đang sử dụng

Theo phương án sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An phê duyệt theo văn bản số 4229/UBND.ĐC ngày 20/06/2014, Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh đang quản lý các khu đất như sau:

❖ Thửa đất số 1:

- Địa chỉ: Thửa số 01-tờ bản đồ số 33 -Phường Bến Thủy- TP.Vinh-Nghệ An
- Diện tích: 59,776.6 m²
- Hiện trạng sử dụng: sử dụng làm Cảng xếp dỡ hàng hóa
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm cảng xếp dỡ hàng hóa.
- Thời hạn thuê đất là: 40 năm (ngày hết hạn thuê đất: 29/5/2054)

❖ Thửa đất số 2:

- Địa chỉ: Thửa số 331, tờ bản đồ số 05 Phường Thu Thủy - Thị xã Cửa Lò
- Diện tích: 2,617.6 m²
- Hiện trạng sử dụng: sử dụng làm nhà nghỉ công nhân
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý: Quyết định số 168 QĐ/UB của UBND Tỉnh Nghệ An ngày 12/02/1985 cho phép Ban dự án Cảng Cửa Lò xây dựng nhà ở CBCNV Cảng Cửa Lò
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm nhà nghỉ cán bộ công nhân viên
- Thời hạn thuê đất : Đang hoàn thiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

❖ Thửa đất số 3:

- Địa chỉ: Thửa số 62-tờ bản đồ số 05, Phường Nghi Tân-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An
- Diện tích: 1,176.7 m²
- Hiện trạng sử dụng: sử dụng phục vụ sản xuất kinh doanh
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn thuê đất: 40 năm (ngày hết hạn thuê 12/5/2054)

❖ **Thửa đất số 4:**

- Địa chỉ: Thửa số 35-tờ bản đồ số 05, Phường Nghi Tân-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An
- Diện tích: 2,510.6 m²
- Hiện trạng sử dụng: văn phòng điều hành cũ Cảng Cửa Lò
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn thuê đất: 40 năm (ngày hết hạn thuê 12/5/2054)

❖ **Thửa đất số 5:**

- Địa chỉ: Thửa số 02-tờ bản đồ số 05 Phường Nghi Tân-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An
- Diện tích: 74,920.5 m²
- Hiện trạng sử dụng: sử dụng làm cảng xếp dỡ hàng hóa
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm cảng xếp dỡ hàng hóa.
- Thời hạn thuê đất: 40 năm (ngày hết hạn thuê 29/5/2054)

❖ **Thửa đất số 6:**

- Địa chỉ: Thửa số 02-tờ bản đồ số 05 Phường Nghi Thủy-Thị xã Cửa Lò-Tỉnh Nghệ An
- Diện tích: 124,891.7 m²
- Hiện trạng sử dụng: sử dụng làm cảng xếp dỡ hàng hóa
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Hợp đồng thuê đất
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm Cảng xếp dỡ hàng hóa.
- Thời hạn thuê đất: 40 năm (ngày hết hạn thuê 29/5/2054)

❖ **Thửa đất số 7:**

- Địa chỉ: Số 10- Đường Trường Thi - Phường Trường Thi - TP.Vinh – Nghệ An
- Diện tích: 2321.3 m²
- Hiện trạng sử dụng: sử dụng làm văn phòng

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý:
- ✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0902499 cấp ngày 20/7/2009
- ✓ Quyết định của UBND Tỉnh Nghệ An “V/v cho Cảng Nghệ Tĩnh thuê đất tại Phường Trường Thi, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An”.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số: 34/HĐ-ĐĐ ngày 19/04/2004 của sở Tài nguyên Môi trường Nghệ An
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm văn phòng.
- Thời hạn thuê đất: 20 năm (ngày hết hạn thuê 19/4/2024)

❖ **Thửa đất số 8:**

- Địa chỉ: Xã Hưng Hòa - TP.Vinh - Tỉnh Nghệ An
- Diện tích: 39,000.5 m²
- Hiện trạng sử dụng: quy hoạch xây dựng Cảng xếp dỡ hàng hóa
- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm
- Hồ sơ pháp lý:
- ✓ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 189971 cấp ngày 11/09/2007
- ✓ Quyết định của UBND Tỉnh Nghệ An "V/v cho Cảng Nghệ Tĩnh thuê đất tại xã Hưng Hòa, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số: 34/HĐ-ĐĐ ngày 19/04/2004 của sở Tài nguyên Môi trường Nghệ An
- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty sử dụng làm cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với quy hoạch.
- Thời hạn thuê đất: 40 năm (ngày hết hạn thuê 9/7/2047)

▪ **Thửa đất số 9:**

- Địa chỉ: Thửa số 29-tờ bản đồ số 15 Khối 4 - Phường Bến Thủy - TP.Vinh - Tỉnh Nghệ An.
- Diện tích: 410.5 m²
- Hiện trạng sử dụng: sử dụng làm nhà trẻ, mẫu giáo.
- Hình thức sử dụng hiện nay: Nhà nước cho thuê, sử dụng lâu dài và trả tiền hàng năm.
- Hồ sơ pháp lý:
- ✓ Trích lục bản đồ địa chính khu đất.
- ✓ Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã trình Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Nghệ An phê duyệt.

- Phương án sử dụng sau khi chuyển sang công ty cổ phần: Công ty tiếp tục sử dụng làm nhà trẻ, mẫu giáo.
- Thời hạn thuê đất: đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tất cả các thửa đất trên của Công ty sẽ tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm sau khi cổ phần hóa do đó không tính vào giá trị doanh nghiệp (theo điểm a, khoản 3, Điều 31, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011).

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ

3.1. Sản lượng qua các năm của công ty

Bảng 7: Sản lượng qua các năm của Cảng Nghệ Tĩnh giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng 2014.

TT	Nội dung	2011	2011/2010	2012	2012/2011	2013	2013/2012	9 tháng năm 2014	Dự kiến năm 2014
1	Sản lượng hàng hóa thông qua (nghìn tấn)	1.824	114,40%	1.959	107,40%	2.380	121,49%	2.076	2.600
2	Doanh thu (tỷ đồng)	95,418	138,46%	105,519	110,59%	124,989	118,45%	112,406	140,00
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	1,699	221,44%	2,971	174,87%	1,333	44,87%	7,162	4,290*

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

*Lưu ý: * Dự kiến lợi nhuận sau thuế cả năm 2014 thấp hơn lợi nhuận 9 tháng đã thực hiện là do trong quý 4 năm 2014 cảng tiếp tục đưa 6 tỷ đồng khoản chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá nên làm LNST cả năm giảm xuống.*

Năm 2011, Mặc dù nền kinh tế có nhiều khó khăn nhưng mặt hàng xuất khẩu qua cảng vẫn ổn định và tăng trưởng mạnh, đồng thời cảng duy trì được tuyến container nội địa (mở từ cuối năm 2009) nên sản lượng hàng thông qua cảng tăng mạnh so với cùng kỳ và vượt mức kế hoạch được giao, với tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 1.824 nghìn tấn, tăng 14,4% so với cùng kỳ; Lướt tàu ra vào cảng 1002 lượt tàu; Tổng doanh thu toàn cảng năm 2011 đạt 95,418 tỷ đồng, tăng 38,46% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 1,699 tỷ đồng, tăng 121,44% so với năm trước.

Năm 2012, đầu năm Chính phủ có chỉ thị nghiêm cấm xuất khẩu khoáng sản thô làm cho sản lượng hàng quặng sắt thông qua cảng giảm 65% so với cùng kỳ, mặt khác nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn chưa ổn định nên nhiều nhà máy, xí nghiệp phải đóng cửa hoặc giảm công suất làm việc nên một lượng nguyên, nhiên, vật liệu cung cấp cho các nhà máy thông qua cảng giảm sút. Tuy nhiên cảng đã chủ động được trong việc tìm kiếm các nguồn hàng mới, đồng thời từng bước đầu tư thêm nhiều phương tiện, thiết bị xếp dỡ và công cụ mang hàng, tăng cường công tác kiểm tra, kỷ luật lao động nên tăng được năng suất xếp dỡ, nâng cao được chất lượng dịch vụ thu hút được nhiều nguồn hàng

về với cảng nên sản lượng, doanh thu vẫn tăng trưởng ổn định. Kết thúc năm 2012 cảng đạt được: Tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 1.959 nghìn tấn, tăng 7,4% so với cùng kỳ; Lượt tàu ra vào cảng 930 lượt tàu; Tổng doanh thu toàn cảng năm 2012 đạt 105,519 tỷ đồng, tăng 10,59% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ hoạt động khai thác cảng biển đạt 103,247 tỷ đồng chiếm 97,85% tổng doanh thu toàn cảng; lợi nhuận sau thuế đạt 2,971 tỷ đồng, tăng 74,87% so với năm 2011.

Năm 2013 Cảng tiếp tục đầu tư thêm nhiều phương tiện thiết bị mới, hiện đại nâng cao được năng suất xếp dỡ, nâng cao năng lực quản lý và từ cuối năm 2013 cảng đã tiếp nhận 3 hãng tàu vận chuyển container nội địa thông qua cảng Cửa Lò, nên kết thúc năm 2013 mặc dù nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn nhưng cảng vẫn đạt được một số thành tựu sau: Tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 2.380 nghìn tấn, tăng 21,49% so với cùng kỳ; Lượt tàu ra vào cảng 985 lượt tàu; Tổng doanh thu toàn cảng năm 2013 đạt 124,989 tỷ đồng, tăng 18,45% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ hoạt động khai thác cảng biển đạt 123,230 tỷ đồng chiếm 98,59% tổng doanh thu toàn cảng; lợi nhuận sau thuế 1,333 tỷ đồng, giảm 44,87% so với cùng kỳ. Mặc dù doanh thu tăng nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm là do trong năm 2013 Công ty có phát sinh một số khoản chi phí bất thường lớn, cụ thể đó là khoản chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá 2 tỷ đồng và một số khoản chi phí bất thường khác khoảng 508 triệu đồng. Giả định Công ty không phát sinh các khoản chi bất thường trên, lợi nhuận sau thuế của công ty có thể đạt được mức 3.841.933.039 đồng (tăng khoảng 29,3% so với cùng kỳ).

Có thể nói năm 2011-2013 là giai đoạn khó khăn của nền kinh tế và các Cảng, tuy nhiên Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cả về sản lượng và doanh thu là một thành tích đáng ghi nhận của Công ty.

Năm 2014, Nhà nước đã có chủ trương tăng cường quản lý hoạt động vận tải và kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông đường bộ và khó khăn của các doanh nghiệp sản xuất, thương mại do việc tăng giá cước vận tải đang làm chậm dòng lưu thông của hàng hóa đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng. Ngoài ra, vấn đề Biển Đông tác động đến thị trường Trung Quốc dẫn đến lượng hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp sang thị trường Trung Quốc sụt giảm cũng làm giảm sản lượng một số mặt hàng thông qua Cảng như đá các loại, gỗ dăm, các loại gỗ....

Tuy nhiên, do năm 2014 Cảng đã tiến hành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001: 2008 nên mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều áp dụng theo quy trình sản xuất khoa học, hiệu quả nên đã góp phần tăng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, kỷ luật lao động trong Công ty và tiết kiệm chi phí. Mặt khác, nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam đang trong đà hồi phục nên các doanh nghiệp cũng đã tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tăng trưởng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng.

Tính đến 30/09/2014: Tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng đạt 2.077 nghìn tấn, tăng 24,78% so với cùng kỳ; Lượt tàu ra vào cảng đạt 845 lượt; Tổng doanh thu toàn cảng đạt 112,405 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ hoạt động khai thác cảng biển đạt 105,899 tỷ đồng chiếm 94% tổng doanh thu toàn cảng; lợi nhuận sau thuế đạt 7,162 tỷ đồng, tăng 187% so với cùng

kỳ. Tuy nhiên, dự kiến lợi nhuận sau thuế năm 2014 chỉ đạt 4.290 triệu, thấp hơn kết quả đã đạt được của 9 tháng 2014 là do trong quý 4 năm 2014 cảng tiếp tục đưa 6 tỷ đồng khoản chi phí hỗ trợ nạo vét luồng vào cảng cá nên làm lợi nhuận sau thuế cả năm 2014 giảm xuống.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung cung cấp các dịch vụ cầu cảng bến bãi với giá trị sản lượng như sau:

Bảng 8: Giá trị sản lượng các năm 2011-2013, 9 tháng đầu năm 2014

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Tỷ lệ cơ cấu	Năm 2012	Tỷ lệ cơ cấu	Năm 2013	Tỷ lệ cơ cấu	9 tháng năm 2014	Tỷ lệ cơ cấu
1	Tổng sản lượng hàng hóa thông qua (tấn)	1.823.534	100%	1.959.107	100%	2.379.577	100%	2.076.831	100%
1.1	Hàng xuất khẩu (tấn)	946.966	51,93%	997.281	50,90%	1.155.282	48,55%	863.499	42%
1.2	Hàng nhập khẩu (tấn)	47.570	2,61%	39.792	2,03%	46.388	1,95%	73.926	4%
1.3	Hàng nội địa (tấn)	828.998	45,46%	922.034	47,06%	1.177.907	49,50%	1.139.406	54%
	Trong đó: Container (Teu)	13.675		19.666		34.704		37.208	
2	Tổng sản lượng hàng hóa bốc xếp (tấn)	1.913.479	100%	2.017.321	100%	3.910.237	100%	3.376.410	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Trong giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 9/2014, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Nghệ Tĩnh và sản lượng hàng hóa bốc xếp luôn tăng trưởng. Đặc biệt trong năm 2013, tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng tăng 21% so với năm 2012, trong đó hàng xuất khẩu tăng 16%, hàng nội địa tăng 28%. 09 tháng năm 2014 tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng tăng 24.78% trong đó hàng nhập khẩu tăng 127.8%, hàng nội địa tăng 41.3% so với cùng kỳ năm 2013.

Nguyên nhân:

- Từ năm 2009 cảng duy trì được tuyến container nội địa của hãng tàu Nhật Việt và đến tháng 3/2013 cảng tiếp nhận thêm hãng tàu Đại Tây Dương, tháng 11/2013 cảng tiếp tục tiếp nhận hãng tàu Biển Đông chạy tuyến Hải Phòng - Cửa Lò - Sài Gòn, do đó sản lượng container ngày một tăng trưởng mạnh, trong đó tăng trưởng mạnh nhất là năm 2013, tăng 76% so với cùng kỳ, đến tháng 9/2014 tăng 58.56%.
- Với lợi thế vị trí địa lý của Cảng nằm khu vực gần nước bạn Lào, với hệ thống giao thông vận tải thuận lợi (đường 7, đường 8, đường 12) nên từ năm 2012 thu hút được hàng Phân kali và từ năm 2013 tiếp nhận thêm hàng Quặng sắt quá cảnh từ Lào.
- Từ năm 2011 đến năm 2013, Cảng liên tục đầu tư nhiều phương tiện thiết bị hiện đại như

cần trục chân đế 40 tấn, cần cẩu bánh xích 50-60 tấn, máy xúc lật, máy nâng hàng, máy xúc đào... Đồng thời cải tiến các công cụ mang hàng như ben làm hàng rời, gàu xúc đá học, công cụ làm hàng bao Jumbo... nhờ đó mà tăng được năng suất lao động, giải phóng tàu nhanh đáp ứng được các yêu cầu của chủ tàu, chủ hàng nên thu hút được nhiều nguồn hàng về cảng.

- Cảng thường xuyên thực hiện việc sắp xếp và đào tạo lại lao động nhằm đồng bộ hóa giữa tư liệu sản xuất và trình độ lao động. Đồng thời tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm thời gian giải phóng tàu, tiết kiệm chi phí cho các chủ hàng, chủ tàu, tạo điều kiện cho các chủ hàng phát triển, từ đó tăng sản lượng hàng thông qua cảng.

3.2. Cơ cấu doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của công ty qua các năm

3.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm

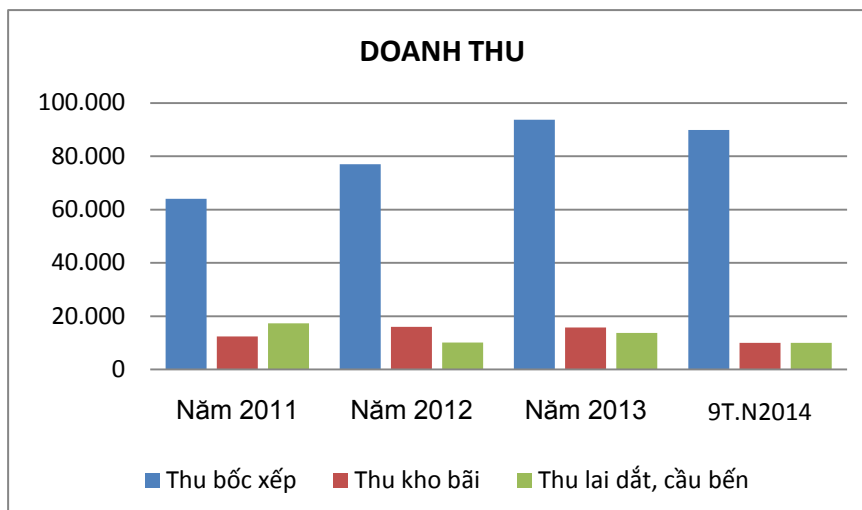
Cảng Nghệ Tĩnh cung cấp các dịch vụ, sản phẩm chủ yếu bao gồm: (i) Bốc dỡ hàng hóa; (ii) Cho thuê kho bãi, (iii) Thu phí cầu bến; (iv) Thu phí đầu lai hộ tổng cầu biển.

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các năm

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011 (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2012 (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Năm 2013 (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	9 tháng/ 2014 (Tr .đ)	Tỷ trọng (%)
1.1	Thu bốc xếp	64.073	68,31%	77.067	74,64%	93.701	76,04%	89.921	81,77%
1.2	Thu kho bãi	12.366	13,18%	16.059	15,55%	15.816	12,83%	10.070	9,16%
1.3	Thu lai đất, cầu bến	17.358	18,51%	10.121	9,80%	13.713	11,13%	9.976	9,07%
	Doanh thu thuần	93.797	100%	103.247	100%	123.230	100%	109.967	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Doanh thu thuần của công ty đến trực tiếp từ các dịch vụ bốc xếp, kho bãi, cầu bến, lai đất, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu thuần là dịch vụ bốc xếp (9 tháng 2014 là 81,77%, năm 2013 là: 76,04%, năm 2012 và 2011 lần lượt là: 74,64% và 68,31%). Trong 4 năm qua, doanh thu từ hoạt động bốc xếp vừa tăng về số tuyệt đối (từ mức 64,073 tỷ đồng năm 2011 đã tăng lên 93,701 tỷ đồng trong năm 2013, dự kiến năm 2014 tăng lên 104,8 tỷ đồng), vừa tăng cả về tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu của công ty (năm 2011, thu bốc xếp chỉ chiếm 68,31% doanh thu thuần, năm 2013, thu bốc xếp chiếm 76,04% doanh thu thuần, 9 tháng năm 2014 thu bốc xếp chiếm 81,77% doanh thu thuần).

Hình 1: Cơ cấu doanh thu của công ty


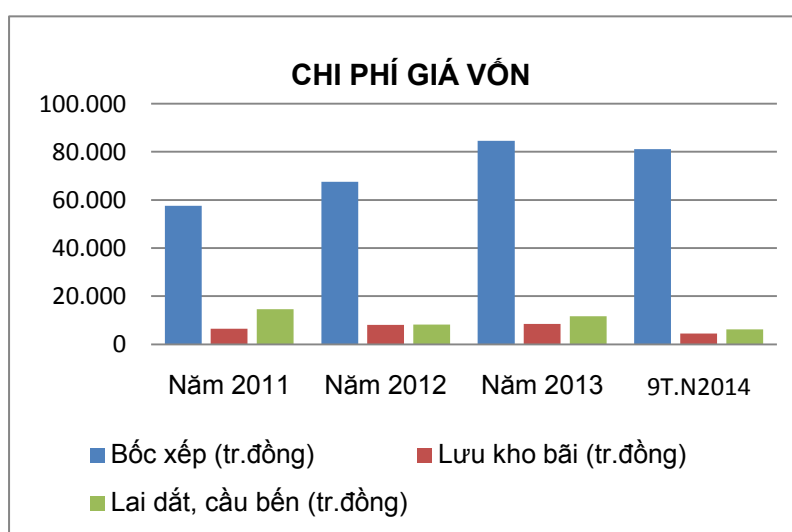
Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

3.2.2. Cơ cấu chi phí giá vốn của Cảng Nghệ Tĩnh qua các năm

Bảng 10: Cơ cấu chi phí giá vốn qua các năm

Chi phí	2011	Tỷ trọng %	2012	Tỷ trọng %	2013	Tỷ trọng %	9 tháng 2014	Tỷ trọng %
<i>Bốc xếp (tr.đồng)</i>	57.569	73,31%	67.564	80,64%	84.556	80,84%	81.090	88,32%
<i>Lưu kho bãi (tr.đồng)</i>	6.427	8,18%	8.004	9,55%	8.404	8,03%	4.480	4,88%
<i>Lai đất, cầu bến (tr.đồng)</i>	14.532	18,51%	8.213	9,80%	11.640	11,13%	6.243	6,80%
TỔNG	78.528	100%	83.781	100%	104.600	100%	91.813	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Hình 2: Cơ cấu chi phí giá vốn của công ty


Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Trong các khoản chi phí giá vốn, chi phí cho dịch vụ bốc xếp chiếm tỷ trọng lớn nhất (9 tháng 2014 là 88,32% tổng chi phí, năm 2013 là 80,84% tổng chi phí, các năm 2012: 80,64% và năm 2011: 73,31%).

Trong mối tương quan giữa chi phí và doanh thu cho thấy, dịch vụ kho bãi mang lại hiệu quả cao nhất, như năm 2013 chi phí giá vốn của dịch vụ kho bãi chỉ chiếm khoảng 8,03% tổng chi phí giá vốn nhưng mang lại 12,83% doanh thu thuần.

3.2.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Cảng Nghệ Tĩnh qua các năm

Bảng 11: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

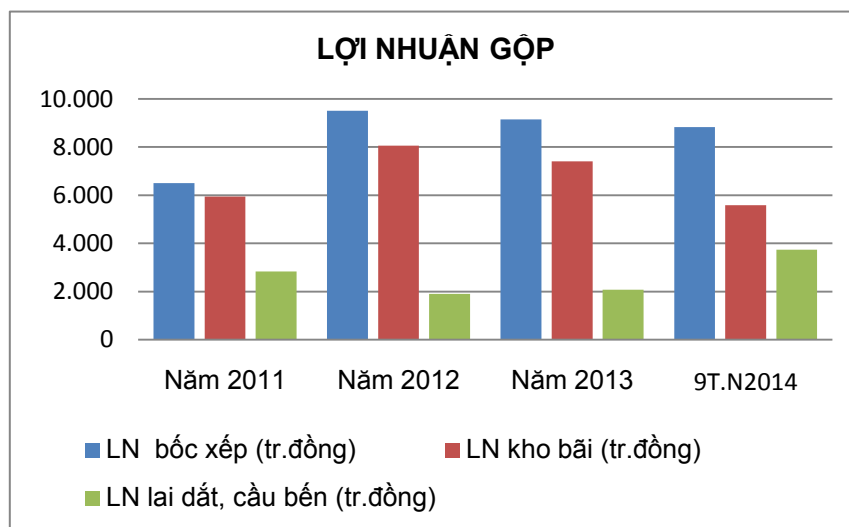
Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011 (tr.đ)	Tỷ suất/DTT %	Năm 2012 (tr.đ)	Tỷ suất/DTT %	Năm 2013 (tr.đ)	Tỷ suất/DTT %	9 tháng năm 2014 (tr.đ)	Tỷ suất/DTT %
1.	LN bốc xếp	6.504	10.15%	9.503	12.33%	9.145	9.76%	8.831	9.82%
2.	LN kho bãi	5.939	48.03%	8.055	50.16%	7.412	46.86%	5.590	55.51%
3.	LN lai đất, cầu bến	2.826	16.28%	1.908	18.85%	2.073	15.12%	3.733	37.42%
	Tổng	15.269		19.466		18.630		18.154	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Mặc dù hoạt động bốc xếp thường duy trì khoảng 70%-80% doanh thu thuần, nhưng chỉ mang lại khoảng 50% lợi nhuận gộp của Công ty. Trong khi đó, doanh thu kho bãi chỉ chiếm khoảng 10% doanh thu thuần, nhưng lại mang về cho Công ty trên 30%-40% lợi nhuận gộp hàng năm. Hoạt động lai đất, cầu bến mang lại khoảng 10% lợi nhuận gộp hàng năm, đạt đến hơn 20% lợi nhuận gộp trong 9 tháng năm 2014. Xét về mặt tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần, hoạt động bốc xếp có tỷ suất lợi nhuận thấp nhất, trung bình khoảng 10,52%, hoạt động kho bãi có tỷ suất lợi nhuận cao nhất, trung bình 50,14%, hoạt động lai đất, cầu bến có tỷ suất lợi nhuận trung bình 21,92%. Nguyên nhân là do hoạt động bốc xếp yêu cầu nguồn nhân lực lớn, sử dụng nhiều các máy móc thiết bị nên chi phí giá vốn cho hoạt động bốc xếp lớn hơn nhiều so với hoạt động kho bãi và hoạt động lai đất, cầu bến.

Hoạt động kho bãi có xu hướng giảm về doanh thu và lợi nhuận do trong những năm qua cơ cấu mặt hàng xuất khẩu thông qua cảng thay đổi. Trước đây, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là các nguyên liệu thô nên sử dụng nhiều diện tích kho bãi, trong thời gian gần đây, các mặt hàng xuất khẩu thay đổi theo hướng xuất khẩu hàng hóa đã tinh chế, nên nhu cầu về sử dụng kho bãi giảm.

Hình 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty


Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

3.3. Nguồn nguyên vật liệu, sự ổn định và ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận

Trong các hoạt động dịch vụ của công ty, cần sử dụng giá trị rất lớn các nguyên vật liệu đầu vào là xăng dầu. Do vậy, sự biến động của giá cả xăng dầu thường ảnh hưởng rất lớn tới tổng mức chi phí của Công ty và từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận. Để hạn chế các tác động tiêu cực của giá cả, công ty đã thực hiện ký các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp nhiên liệu. Việc ký hợp đồng dài hạn, cho phép công ty lập được các kế hoạch dài hạn, tạo ra sự ổn định về mặt lợi nhuận đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các nguyên vật liệu và phụ tùng thay thế khác gồm: Dây cáp cần cầu; ốc quy; săm lốp ô tô, cần cầu, máy xúc và các thiết bị khác được cân đối giữa việc ký hợp đồng dài hạn nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và đấu thầu chào giá cạnh tranh để đàm phán mức chi phí hợp lý.

3.4. Chi phí sản xuất

Bảng 12: Chi phí sản xuất qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	2011	Tỷ trọng %	2012	Tỷ trọng %	2013	Tỷ trọng %	9 tháng 2014	Tỷ trọng %
Giá vốn	78.527	84,88%	83.781	83,98%	104.600	86,52%	91.813	89,26%
Chi phí tài chính	29	0,03%	1.432	0,00%	253	0,21%	77	0,07%
CP QLDN	13.959	15,09%	15.976	16,01%	16.044	13,27%	10.973	10,67%
TỔNG	92.515	100%	99.758	100%	120.897	100%	102.863	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Trong các khoản chi phí, chi phí giá vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất (năm 2013 là 86,52% tổng chi phí), chi phí tài chính của công ty rất bé do công ty ít sử dụng vốn vay (năm 2013 chỉ 0,21% tổng chi phí).

3.5. Công nghệ và đổi mới công nghệ

Đối với hoạt động dịch vụ cầu cảng, hệ thống máy móc chuyên dụng phục vụ vận tải xếp dỡ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ. Nhận thức được điều này, Công ty đã trang bị hệ thống máy móc đầy đủ, hiện đại từ lối vào đến các kho bãi.

❖ Luồng vào cảng :

Bảng 13: Luồng vào cảng

TT	Chỉ tiêu	Xí Nghiệp Xếp Dỡ Cửa Lò	Xí Nghiệp Xếp Dỡ Bến Thủy
1	Tổng chiều dài	4 km	27 km
2	Độ sâu luồng theo thiết kế	- 5,5 mét	- 2,5 mét
3	Chế độ thủy triều	Bán nhật triều	Bán nhật triều
4	Chênh lệch b/q	2,5 mét	2,5 mét
5	Mớn nước cao nhất cho tàu ra vào theo thiết kế	- 7,5 mét	- 5,5 mét
6	Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được	10.000 DWT	2.500 DWT

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

❖ Cầu bến:

Bảng 14: Cầu bến

TT	Tên/Số hiệu	Dài	Độ sâu	Loại tàu/hàng
1	Số 1 Cửa Lò	160m	- 7,5m	10.000 DWT
2	Số 2 Cửa Lò	160m	- 7,5m	10.000 DWT
3	Số 3 Cửa Lò	168m	- 7,5m	10.000 DWT
4	Số 4 Cửa Lò	168m	- 7,5m	10.000 DWT
5	Số 1 Bến Thủy	30m	- 4,5m	2.500 DWT
6	Số 3 Bến Thủy	30m	- 4,5m	2.500 DWT
7	Số 6 Bến Thủy	60m	- 4,5m	2.500 DWT

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

❖ Kho bãi:

Tổng diện tích mặt bằng cảng: 227.800 m²

+ Kho: 22.000 m², trong đó kho CFS: 3.000 m²

+ Bãi: 180.000m², trong đó bãi chứa container: 17.930 m²; Bồn: 6.500 m²

❖ **Thiết bị chính:**

Bảng 15: Danh mục thiết bị chính

TT	Loại/kiểu	Số lượng	Sức nâng/tải/công suất
1	Cần trục chân đế	2	40 tấn
2	Cầu hạng nặng	1	130 tấn
3	Cầu bánh xích hạng trung	3	50 - 60 tấn
4	Cầu hạng thường	10	16 - 36 tấn
5	Máy xúc đào Hitachi	1	0,45 m ³
6	Băng chuyền hàng bao	4	
7	Máy xúc lật	10	1,2 - 3,4 m ³
8	Máy ủi Komatsu	1	
9	Máy nâng nhỏ	2	2,5 T
10	Máy nâng container	2	7 - 18T
11	Đầu kéo	9	6 tấn
12	Ô tô các loại	10	5 - 30 tấn
13	Khung chụp container	4	32 -40 tấn
14	Mooc chở hàng	14	6 - 12 tấn
15	Gàu ngoạm	13	0,8 - 4,5 m ³
16	Gàu xúc đá hộc	5	3,2 m ³
17	Tàu lai	3	300 - 850 CV
18	Máy phát điện	2	250 - 800/900 KVA
19	Cân điện tử	3	80 - 150 tấn

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

3.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Khu bến Cảng Cửa Lò có vùng hấp dẫn rộng lớn là toàn tỉnh Nghệ An và các vùng lân cận, đặc biệt là khu kinh tế Đông Nam, khu công nghiệp Hoàng Mai, khu công nghiệp Đông Hồi và một số cụm công nghiệp tập trung khác, cũng như thu hút và đáp ứng nhu cầu vận tải biển từ nước bạn Lào. Căn cứ nhu cầu bốc xếp, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cũng như nội địa của các khách hàng thông qua kết quả phân tích và tổng hợp các kết quả dự báo sản lượng hàng hóa, xu hướng phát triển của đội tàu trên thế giới. Công ty luôn quan tâm đến việc nghiên cứu phát triển cảng cả về

chiều rộng lẫn chiều sâu. Công ty xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại là điểm mấu chốt. Đặc biệt, quan tâm đến công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực trình độ cho người lao động, tăng cường công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của Cảng.

Các dự án phát triển cảng trong thời gian tới:

❖ **Dự án đầu tư nâng cấp luồng cho tàu biển 10.000 DWT đầy tải vào Cảng Cửa Lò:**

Luồng tàu ra vào Cảng Cửa Lò được thiết kế -5,5 mét để khai thác cảng với công suất 1,4 triệu tấn/năm, tuy nhiên hiện nay lượng hàng thông qua cảng đã đạt 2,7 - 2,8 triệu tấn/năm do vậy để tiếp nhận các tàu cỡ lớn nhằm nâng cao khả năng đáp ứng của cảng, nhu cầu vận chuyển hàng hóa của khách hàng; giảm thiểu tình trạng ách tắc cầu bến và hàng hóa, ngày 27/09/2014 nhà nước đã khởi công dự án đầu tư nâng cấp luồng cho tàu biển 10.000 DWT đầy tải vào Cảng Cửa Lò theo quyết định số 256/QĐ-CHHVN ngày 29/04/2014 của Cục hàng hải Việt Nam với phương án xây dựng (thiết kế cơ sở) luồng tàu như sau:

- Chiều rộng luồng tại đáy nạo vét: 100m
- Chiều sâu chạy tàu: 9,3m
- Mực nước chạy tàu: +2,5m
- Cao độ đáy chạy tàu: -6,8m
- Dự phòng sa bồi luồng tàu: 0,4m
- Cao độ đáy nạo vét: -7,2m
- Bán kính cong: 800m
- Mái dốc nạo vét: m=10;7;1
- Đường kính khu quay trở: 187m
- Cao độ đáy khu quay trở: -7,2m

❖ **Dự án đầu tư xây dựng công trình bến số 5 & số 6 bến Cảng Cửa Lò cho tàu 20.000 DWT:**

- Nhằm đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa cho tỉnh Nghệ An nói riêng và khu vực Bắc Trung Bộ nói chung cũng như các khu công nghiệp, khu kinh tế trong khu vực, đồng thời nâng cao tính cạnh tranh và sức hấp dẫn của khu bến Cửa Lò trong kinh doanh dịch vụ cảng và các dịch vụ liên quan khác. Đồng thời khai thác hiệu quả luồng tàu ra vào cảng Cửa Lò vừa được nạo vét nâng cấp, mở rộng Công ty sẽ triển khai dự án đầu tư xây dựng công trình bến số 5 & số 6 và mở rộng hệ thống kho - bãi thuộc khu bến Cửa Lò, cùng với hệ thống phương tiện thiết bị hiện đại, đồng bộ, tổng mức đầu tư khoảng 1.365 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ năm 2015 đến năm 2019.
- Quy hoạch tổng mặt bằng bến số 5&6: Diện tích xây dựng 15 ha, tuyến bến số 5&6 khi hoàn thiện có tổng chiều dài 410m cho 2 tàu trọng tải tới 20.000 DWT neo cập và làm hàng, trên bến bố trí các cần trục vạn năng sức nâng tới 40 tấn. Các bến cập tàu được xây

dựng với cao độ đỉnh bến là +5,00m, khu nước trước bến rộng 60m, cao độ nạo vét là -11,0 m đảm bảo cho tàu 20.000 DWT đầy tải neo đậu làm hàng an toàn. Phía sau khu bến cập tàu là khu vực kho bãi hậu phương với tổng diện tích kho bãi là 117.500 m² (trong đó bãi container 35.000 m², kho CFS 1.500 m², bãi hàng bao kiện 24.000 m², bãi hàng rời 57.000 m²).

3.7. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ

Vấn đề chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp luôn được Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Hiện nay, Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 với mục tiêu “Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả”. Việc xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 sẽ giúp Công ty thiết lập được các quy trình chuẩn để kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phân định rõ việc, rõ người trong quản lý, điều hành công việc. Hệ thống quản lý chất lượng sẽ giúp CBNV thực hiện công việc đúng ngay từ đầu và thường xuyên cải tiến công việc thông qua các hoạt động theo dõi và giám sát. Một hệ thống quản lý chất lượng tốt không những giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sự thỏa mãn của khách hàng và còn giúp đào tạo cho nhân viên mới tiếp cận công việc nhanh chóng hơn.

Công ty đã thành lập Ban ISO để xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, thực hiện theo dõi và giám sát việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng đã được xây dựng, duy trì, cải tiến quản lý chất lượng dịch vụ của công ty. Ban ISO được thành lập trên cơ sở một số thành viên của các Phòng Ban có liên quan trong công ty.

3.8. Hoạt động marketing

Cảng Nghệ Tĩnh là cảng tổng hợp quốc gia đầu mối khu vực, hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh tổ chức trên địa bàn rộng lớn, đa dạng bao gồm hai khu vực Cửa Lò và Bến Thủy với hơn 800m cầu Cảng cùng nhiều thiết bị xếp dỡ tiên tiến, hệ thống kho bãi hiện đại với đội ngũ công nhân chuyên nghiệp. Cảng Nghệ Tĩnh đang từng bước vươn lên hội nhập kinh tế quốc tế đáp ứng tốt nhất cho quá trình giao thương hàng hoá trong khu vực và các nước trên thế giới, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế ở địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào. Nắm bắt được tầm quan trọng về vị trí địa lý của mình, Công ty tích cực quảng bá hình ảnh của Cảng Nghệ Tĩnh đến với khách hàng trong và ngoài nước. Cảng thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho chủ tàu, chủ hàng, chủ động tìm kiếm khách hàng mới. Trong tương lai, Công ty tiếp tục thâm nhập thị trường truyền thống, tăng cường công tác nghiên cứu, khảo sát thị trường mới (Lào) về các mặt hàng quặng, thạch cao và một số mặt hàng khoáng sản khác....

Hiện nay, Công ty đang điều tra thị trường và đàm phán với các bên để tiến hành mở tuyến vận tải container quốc tế từ Cảng Cửa Lò - Cảng Hải Phòng. Việc mở tuyến vận tải mới này sẽ góp phần giải quyết bài toán vận tải hàng hóa bằng đường bộ cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các vùng lân cận (do Nhà nước hiện nay đang tăng cường quản lý xe quá tải, quá khổ). Mặt khác, sẽ góp phần tăng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua cảng Cửa Lò.

Với kinh nghiệm gần 60 năm xây dựng và trưởng thành, trong thời gian tới Cảng sẽ tham gia đấu thầu hợp đồng khai thác tại Cảng Sơn Dương. Việc tham gia thành công hạng mục công việc này

cũng sẽ góp phần mang lại nguồn doanh thu đáng kể, ổn định cho Công ty.

Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động thu hút hàng hoá, đặc biệt là thị trường hàng hoá nội địa; chủ động tìm kiếm khách hàng mới, Cảng Nghệ Tĩnh còn tăng cường phát huy nội lực, liên tục đầu tư nhiều phương tiện, thiết bị mới, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đảm bảo an toàn hàng hoá cho khách hàng. Tiếp tục cải tiến, tinh giảm các thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời giúp cho quá trình quản lý, điều hành sản xuất được chặt chẽ, thông suốt, giữ vững uy tín đối với khách hàng.

3.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Không có

3.10. Các hợp đồng lớn đã, đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 16: Các Hợp đồng, dự án lớn đã, đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Đối tác	Mặt hàng	Thời gian thực hiện	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)
1	Công ty Cổ phần Nhật Việt	Cont	01/01/2014 đến 31/12/2014	470.000	12.767
2	Công ty OMYA Việt Nam	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	220.000	10.877
3	Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy Nghệ an	Gỗ băm dăm	01/01/2014 đến 31/12/2014	180.000	5.989
4	Công ty LD Trồng & CB Cây NLG Xuất khẩu	Gỗ băm dăm	01/01/2014 đến 31/12/2014	210.000	7.496
5	Công ty Cổ phần Khoáng sản Nghệ An	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	110.000	6.182
6	Công ty TNHH XNK Hoàng Anh Nghệ An	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	130.000	10.596
7	Công ty Cổ phần TM & VTB Đại Tây Dương	Cont	01/01/2014 đến 31/12/2014	250.000	10.075
8	Công ty Kinh doanh Than Nghệ Tĩnh	Than	01/01/2014 đến 31/12/2014	150.000	8.860
9	Công ty Khai thác Đá vôi YABASHI Việt Nam	Đá trắng các loại	01/04/2014 đến 31/05/2015	52.000	3.785
10	Công ty cổ phần XL và TMTH Lam Hồng	Than	01/01/2014 đến 31/12/2014	60.000	3.848
11	Công ty TNHH Phân bón & HC Dầu khí Miền Bắc	Phân bón	01/01/2014 đến 31/12/2014	42.000	4.985

TT	Đối tác	Mặt hàng	Thời gian thực hiện	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)
12	Công ty TNHH Khoáng sản Tín Hoàng	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	60.000	3.624
13	Công ty Cổ phần Vận tải 1 TRACO	Phân bón	01/01/2014 đến 31/12/2014	30.000	4.044
14	Công ty TNHH Xuân Dương	Quặng sắt	01/01/2014 đến 31/12/2014	40.000	2.761
15	Công ty TNHH MTV Cốp pha Thép Thái Hưng	Quặng sắt	01/01/2014 đến 31/12/2014	40.000	1.601
16	Công ty cổ phần khoáng sản Toàn Cầu	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	40.000	3.553
17	Công ty cổ phần bột đá vôi trắng siêu mịn Nghệ An	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	80.000	3.734
18	Công ty TNHH Thương mại Đức Bảo	Quặng sắt	26/05/2014 đến 31/12/2014	9.000	1.249
19	Công ty CP Nam Trung Nghệ An	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	30.000	941
20	Công ty Cổ phần Vận tải TM An Phát	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	25.000	894
21	Công ty TNHH Nhựa đường PETROLIMEX	Nhựa lỏng	01/01/2014 đến 31/12/2014	50.000	822
22	XNKD vật tư giao thông Nghệ An	Than	01/01/2014 đến 31/12/2014	10.000	796
23	Công ty cổ phần thương mại và vận tải Thái Hà	Quặng sắt	01/01/2014 đến 31/12/2014	20.000	716
24	Doanh nghiệp tư nhân Thủy Tuấn	Than	01/01/2014 đến 31/12/2014	9.000	712
25	Công ty TNHH Hải Sơn	Than	01/01/2014 đến 31/12/2014	13.000	690
26	Công ty TNHH Bắc Sơn	Quặng sắt	01/01/2014 đến 31/12/2014	15.000	556
27	Công ty Cổ phần Dầu thực	Dầu thực vật	01/01/2014 đến 31/12/2014	35.000	516

TT	Đối tác	Mặt hàng	Thời gian thực hiện	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)
	vật Tường An		31/12/2014		
28	Công ty cổ phần lương thực Hà Tĩnh	Gạo	01/01/2014 đến 31/12/2014	9.000	478
29	Công ty Cổ phần Hóa chất TP HCM	Đá trắng các loại	01/01/2014 đến 31/12/2014	10.000	474
30	Trạm than Cục Hậu cần Quân khu 4	Than	01/01/2014 đến 31/12/2014	12.000	434
31	Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Hà Tĩnh	Phân bón	01/01/2014 đến 31/12/2014	10.000	376
32	Công ty TNHH thức ăn CN Goldenstar	Thức ăn GS	01/01/2014 đến 31/12/2014	6.000	268
33	Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn Nghệ An	Gas	01/01/2014 đến 31/12/2014	11.000	268
34	Công ty TNHH TM DV Thành Mỹ Phát	Rỉ mật	01/01/2014 đến 31/12/2014	14.000	208
35	Công ty TNHH Ngọc Sáng	Quặng sắt	01/01/2014 đến 31/12/2014	15.000	174
36	Công ty bột mỳ VINAFOOD 1 (Hưng Quang)	Mỳ hạt	01/01/2014 đến 31/12/2014	5.000	124

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

3.11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hoá

3.11.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 17: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước cổ phần hóa và dự kiến năm 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013	9 tháng 2014	KH 2014
1. Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	187.496	188.480	195.896	205.582	200.000
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	Triệu đồng	157.360	159.415	158.989	166.151	162.000

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2013	9 tháng 2014	KH 2014
3. Nợ vay ngắn hạn	Triệu đồng			5.000	5.676	7.000
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng					
4. Nợ vay dài hạn	Triệu đồng	11.213	5.708			
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng					
5. Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	138	138	363	363	363
6. Tổng số lao động	Người	562	560	568	572	572
7. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	35.450	42.290	48.000	44.000	54.600
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng	5,2	6,2	7,0	8,55	7,9
9. Tổng doanh thu	Triệu đồng	95.417	105.519	124.989	112.406	140.000
<i>Doanh thu thuần</i>		93.797	103.247	123.230	109.967	136.500
<i>Doanh thu tài chính</i>		347	1.225	336	502	1.000
<i>Doanh thu khác</i>		1.273	1.047	1.423	1.937	2.500
10. Tổng chi phí	Triệu đồng	93.153	101.513	122.375	103.224	134.500
11. Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	2.265	4.007	2.614	9.182	5.500
12. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.699	2.971	1.333	7.162	4.290
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước		1,08%	1,75%	0,83%	4,31%	2,6%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Tổng tài sản của Công ty trong những năm qua tăng nhẹ qua các năm, công ty không có nợ quá hạn phải trả. Về doanh thu, trong thời gian qua doanh thu của Công ty cũng tăng trưởng khá đều đặn từ 12% đến 18%. Nhưng do chi phí tăng nhanh hơn nên lợi nhuận năm 2013 giảm nhẹ so với năm 2012.

Có thể thấy, hoạt động của Cảng Nghệ Tĩnh các năm qua tương đối ổn định theo hướng tích cực, tài chính lành mạnh, thu nhập bình quân đầu người tương đối tốt so với mặt bằng tại địa phương, góp phần ổn định cuộc sống của gần 600 cán bộ công nhân viên. Tất cả những yếu tố này cho thấy, Cảng Nghệ Tĩnh không ngừng phát huy truyền thống hoạt động lâu đời của Công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành, giữ vững uy tín với các đối tác trong và ngoài nước.

3.11.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Yếu tố thuận lợi:

- Đảng ủy, Ban Lãnh đạo, Công đoàn Công ty và các đơn vị trực thuộc quyết tâm đổi mới, đoàn kết khắc phục khó khăn thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của Nhà nước và ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Tập thể người lao động trong toàn Công ty ngày càng đoàn kết, tự tin. Hầu hết CBCNV đều phấn khởi trước những thành công mà Công ty đã đạt được trong suốt những năm vừa qua và nhiệt tình ủng hộ chủ trương cổ phần hóa của Công ty.
- Luồng vào cảng Cửa Lò đã được nâng cấp với độ sâu từ -5,5 m xuống -7.2 m, tạo điều kiện thuận lợi cho các tàu hàng ra vào cảng.
- Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm thiết bị của Cảng đang được bổ sung và hoàn thành đi vào hoạt động góp phần nâng cao năng lực khai thác cảng và tạo ra bước phát triển mới.
- Công ty luôn duy trì và giữ vững được khách hàng truyền thống có sản lượng hàng hoá thông qua Cảng cao và ổn định.
- Tình hình tài chính lành mạnh;
- Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;
- GDP của Tỉnh và khu vực dự kiến tăng trưởng bình quân từ 8% - 10%, vùng hậu phương hàng hóa đang phát triển;
- Xu hướng container hóa cao do thay đổi cơ cấu mặt hàng;
- Nền kinh tế hội nhập sâu rộng, chính sách chế độ thay đổi có lợi cho Doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

❖ Những khó khăn, tồn tại

- Luồng tàu ra vào Cảng Cửa Lò, Cảng Bến Thủy thường xuyên bị bồi lắng ảnh hưởng trực tiếp đến cỡ tàu cảng tiếp nhận và làm tăng chi phí giá thành xếp dỡ hàng hóa.
- Khu vực cầu cảng Cửa Lò thường xuyên bị tàu cá của ngư dân chiếm dụng neo đậu, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn hàng hải và hiệu quả khai thác của Cảng.

- Lực lượng lao động trong toàn Công ty tuy đã được trẻ hóa nhưng chất lượng lao động không đồng đều. Một số lao động chưa đáp ứng được công việc được giao nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh lĩnh vực Cảng trong khu vực, chi phí sản xuất lớn nhưng giá cước phải cạnh tranh với các cảng trong khu vực nên khó khăn trong việc tăng doanh thu, nguồn vốn tích lũy để tái đầu tư vào sản xuất.
- Khu vực miền Trung là khu vực kinh tế chậm phát triển hơn so với miền Bắc, miền Nam; quy mô thị trường hẹp, thu hút đầu tư ít, chưa có mặt hàng truyền thống có khối lượng lớn nên lượng hàng hóa hàng năm thông qua các cảng trong khu vực tăng không đáng kể.
- Giá cả nhiên liệu, điện năng, vật tư, thiết bị luôn biến động có chiều hướng gia tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Cảng.

3.12. Vị thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành

3.12.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Nghệ An là tỉnh nằm ở trung tâm vùng Bắc Trung bộ, giáp tỉnh Thanh Hóa ở phía bắc, tỉnh Hà Tĩnh ở phía nam, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ở phía tây với 419 km đường biên giới trên bộ; bờ biển ở phía đông dài 82 km. Vị trí này tạo cho Nghệ An có vai trò quan trọng trong đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội Bắc - Nam, xây dựng và phát triển kinh tế biển, kinh tế đối ngoại và mở rộng hợp tác quốc tế với các nước khác trong khu vực, nhất là các nước Lào, Thái Lan và Trung Quốc, là điều kiện thuận lợi để kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Với vai trò là đầu mối trung chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và nước bạn Lào, vùng Đông Bắc Thái Lan, Cảng Nghệ Tĩnh không ngừng nỗ lực đầu tư phát triển hạ tầng, nâng cấp kho bãi cũng như hiện đại hóa dịch vụ và con người để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, dần trở thành đầu mối then chốt cho sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng địa phương và khu vực.

Kế thừa và phát huy truyền thống đất Cảng anh hùng trong chiến tranh, Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh đang tập trung đầu tư chiều sâu; nâng cao năng suất lao động, giải phóng tàu nhanh đáp ứng tốt hơn nữa các nhu cầu vận tải, xuất nhập khẩu hàng hoá của tỉnh Nghệ An và khu vực góp phần xứng đáng vào công cuộc Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước.

Sau nhiều năm nỗ lực không ngừng, đến nay, Cảng Nghệ Tĩnh đã đầu tư hệ thống hạ tầng hoàn chỉnh với hệ thống 8 cầu cảng, mỗi cầu cảng có chiều dài từ 30 – 168 m và đầy đủ các phương tiện hỗ trợ như: Cầu nâng dỡ hàng với sức nâng từ 10 ÷ 130 tấn, xe vận chuyển hàng hoá, xe xúc gạt, xe nâng,... và hơn 300 nhân viên bốc xếp chuyên nghiệp, giúp Cảng có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng đến 10.000 DWT. Bên cạnh đó, Cảng có tổng diện tích kho bãi 227.800 m² gồm: kho bảo quản hàng hoá 19.000 m², bãi chứa hàng hoá 180.500 m² và bãi tập kết container 17.930 m², bồn 6.500m³ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhu cầu tập kết hàng hóa, bảo quản và lưu kho hàng hóa cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu và nội địa, tăng thêm tính hiệu quả cho hoạt động của Cảng.

Hàng hoá thông qua Cảng tăng trưởng hàng năm từ 15% - 18% chủ yếu là hàng rời như đá trắng xuất khẩu, quặng các loại, đặc biệt mặt hàng container ngày một tăng cao và chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu hàng hoá thông qua cảng. Năm 2013 sản lượng hàng hoá thông qua Cảng đạt 2.400.000 tấn.

Trong những năm tới tiếp tục đầu tư nâng cấp phát triển Cảng Cửa Lò, nâng cấp mở rộng luồng tàu vào Cảng xuống – 7,2m cho tàu 10.000DWT đầy tải và 20.000DWT giảm tải (theo văn bản 256/QĐ-CHHVN ngày 29/4/2014 của Cục Hàng hải Việt Nam) ra vào, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận hàng hoá thông qua cảng từ 2.500.000 tấn đến 3.500.000 tấn/năm.

Là cảng tổng hợp quốc gia đầu mối khu vực, hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Nghệ Tĩnh trên địa bàn rộng lớn, đa dạng, bao gồm 2 khu vực Cửa Lò và Bến Thủy với hơn 800m cầu Cảng cùng nhiều thiết bị xếp dỡ tiên tiến, hệ thống kho bãi hiện đại và đội ngũ công nhân chuyên nghiệp, Cảng Nghệ Tĩnh đã tạo dựng được một vị thế vững chắc trong ngành vận tải, cảng biển, từng bước vươn lên hội nhập quốc tế đáp ứng tốt nhất cho quá trình giao thương hàng hoá trong khu vực và các nước trên thế giới, góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế ở địa bàn tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ.

3.12.2. Triển vọng phát triển của ngành

Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã có quan điểm chỉ đạo về định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Mục tiêu phát triển phát triển kinh tế biển đến năm 2020: kinh tế biển và vùng kinh tế biển đóng góp khoảng 53 – 55% tổng GDP cả nước, trong đó ngành hàng hải có vị trí hàng đầu.

Phát triển kinh tế vận tải biển: tập trung đầu tư phát triển nhanh, hiệu quả đội tàu biển Việt Nam theo hướng trẻ hoá, hiện đại hoá và chuyên dụng hoá, đặc biệt là tàu hàng rời, tàu container, tàu hàng lỏng và tàu khách để đến năm 2015 tổng trọng tải đạt trên 7 triệu DWT và năm 2020 trên 11 triệu DWT; Đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hoá và hành khách trong nước, với mục tiêu đến năm 2015 đạt trên 35% và năm 2020 đạt trên 45% tổng sản lượng hàng hoá vận chuyển trong nước; Tham gia hiệu quả thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới theo hướng tăng mạnh sản lượng vận tải quốc tế, tăng thị phần nhằm đảm bảo hợp lý lợi ích kinh tế vận tải ngoại thương để đến năm 2015 đạt trên 25% và 2020 đạt trên 35% tổng sản lượng vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.

Phát triển kinh tế khai thác cảng biển: đẩy mạnh phát triển kinh tế khai thác cảng biển đầu mối tại những vùng kinh tế trọng điểm: Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ; các cảng, bến cảng, cầu cảng chuyên dụng tại những khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên đảo và cảng trung chuyển quốc tế. Đảm bảo năng lực hàng hoá thông qua đạt trên 400 triệu tấn vào năm 2015 và trên 700 triệu tấn vào năm 2020; Phát triển nhanh, đồng bộ, đủ năng lực cạnh tranh đối với các loại hình dịch vụ hỗ trợ khai thác cảng biển với mục tiêu đến năm 2020, doanh thu chiếm trên 60% tổng doanh thu của hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển của cả nước.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Nâng cao chất lượng và mở rộng các hình thức đào tạo, huấn luyện nguồn nhân lực hàng hải theo hướng bảo đảm cân đối giữa đào tạo lý thuyết với huấn luyện thực hành. Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo huấn luyện nhằm đáp ứng đầy đủ nguồn nhân lực đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển và kinh tế hàng hải nói riêng.

Bên cạnh đó, trong lần rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Bộ Giao thông vận tải vẫn xác định sẽ tập trung phát triển hệ thống cảng biển, nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực, phát triển hợp lý các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương nhằm đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống. Theo dự kiến, đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sẽ đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống cảng biển và luồng vào cảng, tiếp tục chú trọng nâng cấp các cảng hiện có nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về chất lượng và lạc hậu về khoa học công nghệ.

3.12.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu hướng chung trên Thế giới

Việt nam là quốc gia biển, với bờ biển dài hơn 2000km, đất nước với hình thể kéo dài, rất thuận tiện cho vận tải hàng hóa bằng đường biển. Khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam được vận chuyển bằng đường biển thông qua các cảng trong toàn quốc đang chiếm tỷ lệ rất lớn, ngành vận tải biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trong những năm qua, cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, ngành vận tải biển cũng có những bước phát triển vượt bậc, với đội tàu biển ngày càng hùng hậu, tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Cảng Nghệ Tĩnh nói riêng vươn lên. Cùng với sự phát triển của ngành, lượng hàng hóa thông qua Cảng Nghệ Tĩnh đều tăng trưởng trong những năm gần đây, khẳng định sự phù hợp với định hướng phát triển chung của cả nước.

PHẦN III: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. MỤC TIÊU CỔ PHẦN HÓA

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/2/2013 và văn bản số 2342/TTg-ĐMDN ngày 21/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh gồm:

Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Đổi mới về phương thức quản lý, tiến tới phương thức quản lý khoa học và hiệu quả hơn, thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Phát huy nội lực bằng cách tận dụng vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp.

Việc góp vốn vào doanh nghiệp của người lao động cũng tạo ra động lực để nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

2. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh lựa chọn hình thức cổ phần hóa là bán bớt phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.

3. DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

3.1. Thông tin chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH
- Tên tiếng Anh : NGHE TINH PORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt tiếng Việt : Cảng Nghệ Tĩnh.
- Tên viết tắt tiếng Anh : NgheTinhport.

Logo



Trụ sở chính: Số 10, Đường Trường Thi, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 038.3847143,

Fax: 038.3847142

Website: www.nghetinhport.com.vn

3.2. Hình thức pháp lý

Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh và các quy định của Pháp luật, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.

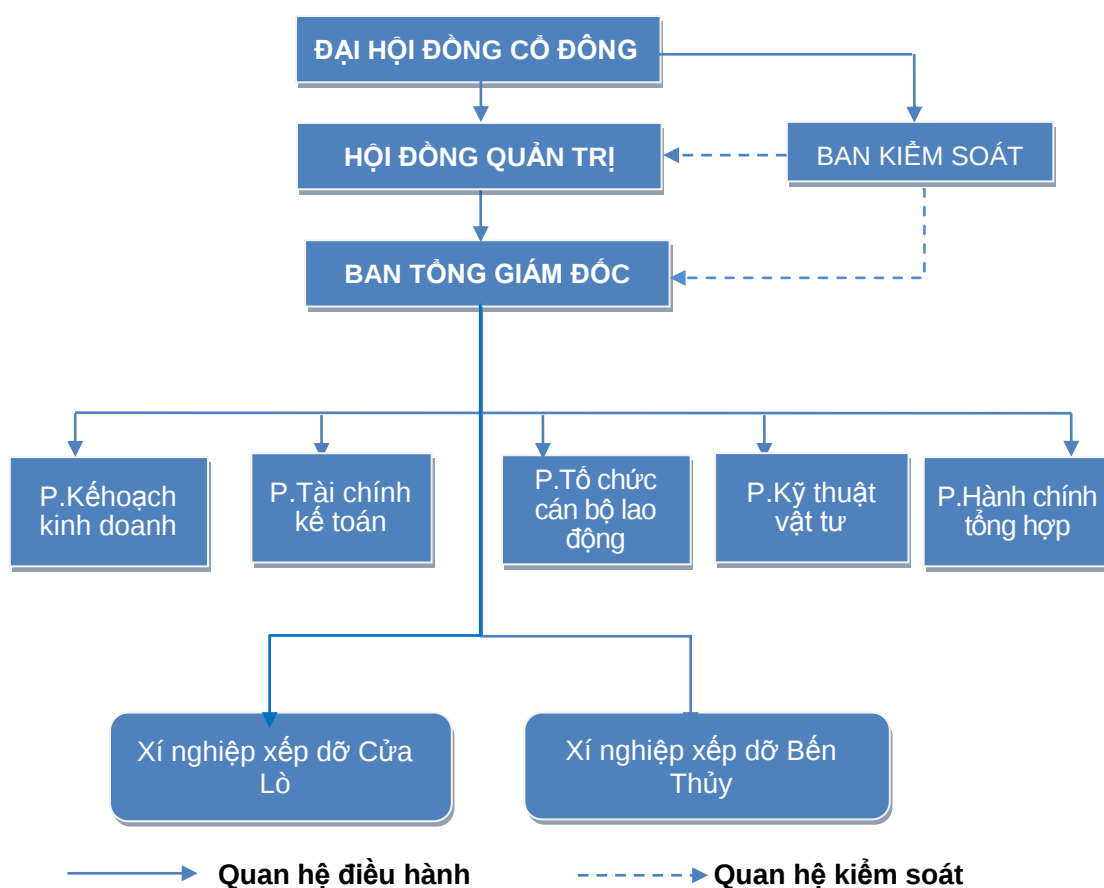
3.3. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224
2	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistics; môi giới thuê tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, đóng gói, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan	5229
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho, bãi, văn phòng	6810
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
10	Xây dựng nhà các loại	4100
11	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
12	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải	3315
13	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
14	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa container	3311
16	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
18	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan	4730
20	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661

3.4. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức Cảng Nghệ Tĩnh sau cổ phần hoá



- ❖ **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần.
- ❖ **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty nhưng không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- ❖ **Ban kiểm soát:** cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty.

- ❖ **Ban tổng giám đốc:** Bao gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty và chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- ❖ **Ngoài ra công ty có các Phòng ban và Xí nghiệp gồm:** Phòng Kế hoạch kinh doanh, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức cán bộ lao động, Phòng Kỹ thuật vật tư, Phòng Hành chính tổng hợp, Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa lò và Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các phòng ban của công ty do luật pháp, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

3.5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

3.5.1. Vốn điều lệ Công ty cổ phần

Vốn điều lệ : 215.172.000.000 đồng

Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng

Số lượng cổ phần : 21.517.200 cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành lần đầu : 21.517.200 cổ phần.

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông và cổ phần được mua ưu đãi khác với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ Công ty cổ phần và quy định của pháp luật có liên quan.

3.5.2. Đối tượng mua cổ phần:

Theo Điều 6 của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và chủ trương của Chính phủ, đối tượng mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Cán bộ công nhân viên của Công ty có mặt tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 24/9/2014.
- Tổ chức công đoàn Công ty.
- Các nhà đầu tư trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài.
- Nhà đầu tư chiến lược (NĐTCL): Bao gồm các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước có năng lực tài chính, có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ Công ty sau cổ phần hóa và thực hiện theo quy định của luật pháp Việt Nam.

3.5.3. Cơ cấu cổ đông dự kiến theo phương án cổ phần hoá được phê duyệt

Bảng 18: Cơ cấu cổ đông của Công ty theo phương án cổ phần hoá

TT	Đối tượng	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Vốn nhà nước	109.737.720.000	10.973.772	51,00%
2	Bán ưu đãi cho CBCNV	6.914.000.000	691.400	3,21%
3	Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc	14.182.000.000	1.418.200	6,59%
4	Bán cho công đoàn	6.455.160.000	645.516	3,00%
5	Bán cho đối tác chiến lược	38.941.560.000	3.894.156	18,10%
6	Bán đấu giá cổ phần IPO	38.941.560.000	3.894.156	18,10%
Vốn điều lệ		215.172.000.000	21.517.200	100%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

4. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HOÁ

4.1. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển chung Doanh nghiệp sau cổ phần hoá

4.1.1. Định hướng phát triển của Công ty

❖ Đối với Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò:

- Nâng cấp, mở rộng Bến số 5, số 6 Cảng Cửa Lò.
- Luồng tàu ra vào Cảng -7,2 m, có thể tiếp nhận được tàu có trọng tải từ 10.000 DWT đầy tải và 20.000 DWT giảm tải vào Cảng Cửa Lò.

❖ Đối với Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy:

Cảng Bến Thủy trong thời gian tới tiếp tục thực hiện xếp dỡ hàng hóa đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu vực theo đúng quy định và thực hiện dịch vụ cho thuê kho bãi và các công việc khác phù hợp với đăng ký kinh doanh của công ty và đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp UBND Tỉnh yêu cầu thực hiện di dời Cảng Bến Thủy theo Thông báo số 14/UBND-TB ngày 11/01/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An về việc xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện di dời Cảng Bến Thủy về vị trí mới được quy hoạch tại xã Hưng Hòa, Thành Phố Vinh, công ty sẽ triển khai theo đúng quy định.

- ❖ Đối với thửa đất tại xã Hưng Hòa, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, UBND Tỉnh Nghệ An đã phê duyệt phương án sử dụng đất để xây dựng Cảng xếp dỡ hàng hóa, tuy nhiên tại Thông báo số 14/UBND-TB ngày 11/01/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An về việc xử lý các vướng mắc trong quá trình thực hiện di dời Cảng Bến Thủy về vị trí mới được quy hoạch tại xã Hưng Hòa, Thành Phố Vinh, UBND Tỉnh Nghệ An yêu cầu tạm dừng việc xây dựng cảng mới tại xã Hưng Hòa, Thành phố Vinh để Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh nghiên cứu

chuyển đổi công năng của cảng phù hợp với quy hoạch. Vì vậy, công ty sẽ tiến hành nghiên cứu xây dựng phương án kinh doanh phù hợp với quy hoạch của Tỉnh và định hướng kinh doanh của công ty.

- ❖ Dự kiến hàng hoá thông qua các Cảng của công ty đạt từ 2,8 triệu đến 4 triệu tấn/năm trong giai đoạn từ năm 2015-2019.
- ❖ Công ty sẽ phát triển thêm các hoạt động, dịch vụ phục vụ Cảng và Logistics.
- ❖ Việt Nam khi tham gia tổ chức thương mại thế giới (WTO) tức là các doanh nghiệp chúng ta đã bước vào sân chơi mới với sự cạnh tranh bình đẳng mà ở đó không có sự ưu đãi hay bảo hộ nào. Doanh nghiệp Việt Nam trong đó có các doanh nghiệp khai thác Cảng biển sẽ có các đối thủ mới có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và năng lực cạnh tranh cao - đây thực sự thách thức lớn đối với doanh nghiệp. Do đó, việc sắp xếp, tổ chức lại hệ thống quản trị doanh nghiệp, hệ thống sản xuất, hệ thống tài chính một cách toàn diện, theo quy trình chuẩn là yêu cầu cấp thiết nhằm tạo cho doanh nghiệp có đủ khả năng tổ chức sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững, nâng cao vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.
- ❖ Thực hiện Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015 và Văn bản số 2342/TTg-ĐMDN ngày 21/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số nội dung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh sau khi xem xét, đánh giá lại thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của mình và đã xác định mục tiêu hoạt động sau khi cổ phần hoá: xây dựng cơ cấu tổ chức Công ty hợp lý, tập trung vào các lĩnh vực bốc xếp, giao nhận, bảo quản lưu kho bãi hàng hoá và các dịch vụ: đại lý hàng hải, lai dắt, vận tải... gắn với chuyển đổi mô hình, đảm bảo tăng trưởng ổn định, có chiều sâu, chất lượng và có năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực khai thác Cảng biển. Mặt khác, Công ty phấn đấu đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho người lao động; thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

4.1.2. Kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa

Bảng 19: Chi tiết kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018	2019
1	Tổng mức đầu tư	Tỷ đồng	80	58	40	70	90
	Trong đó:	Tỷ đồng					
	Vốn tự có (từ khấu hao để lại)		50	38	40	46,3	54
	Vay ngân hàng		30	20		23,7	36
2	Hạng mục đầu tư	Tỷ đồng					
	Nâng cấp bãi chứa hàng, xây dựng kho	Tỷ đồng	20				
	Cần cầu chân đế	Tỷ đồng	60				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018	2019
	Xây dựng hàng rào bến 5+6	Tỷ đồng		20			
	Máy chuyên dụng chụp Container	Tỷ đồng		38			
	San nền bãi chứa hàng của bến 5+6	Tỷ đồng			40		
	Xây dựng cầu tàu bến 5	Tỷ đồng				70	
	Xây dựng cầu tàu bến 6	Tỷ đồng					90

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

4.1.3. Kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty trong 5 năm liền kể sau khi cổ phần hoá

Bảng 20: Kế hoạch kinh doanh 5 năm 2015 - 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018	2019
1	Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng	80.000	58.000	40.000	70.000	90.000
2	Vốn Điều lệ	triệu đồng	215.172	215.172	215.172	215.172	215.172
3	Tổng số lao động	Người	519	519	525	532	539
4	Tổng quỹ lương	triệu đồng	52.600	53.450	60.962	66.356	71.694
5	Thu nhập bình quân người/tháng	triệu đồng	8,45	8,58	9,68	10,39	11,08
6	Sản lượng	Nghìn tấn	2.800	3.100	3.400	3.700	4.000
7	Doanh thu	triệu đồng	150.000	165.000	185.000	208.000	235.000
8	Chi phí	triệu đồng	139.500	152.925	171.114	190.642	215.039
9	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	10.500	12.075	13.886	17.358	19.961
10	Thuế TNDN (2015: 22%, 2016-2019: 20%)	Triệu đồng	2.310	2.415	2.777	3.472	3.992
11	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	8.190	9.660	11.109	13.886	15.969
12	Trích quỹ dự phòng tài chính 5%	triệu đồng	410	483	555	694	798
13	Trích quỹ đầu tư phát triển 10%	triệu đồng	819	966	1.111	1.389	1.597

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	2017	2018	2019
14	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5%	triệu đồng	410	483	555	694	798
15	Lợi nhuận còn lại chi trả cổ tức	triệu đồng	6.552	7.728	8.887	11.109	12.775
16	Tỷ lệ cổ tức	%	3,0	3,5	4,0	5,0	6,0

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

4.2. Giải pháp thực hiện

4.2.1. Về công tác quản lý

Sau khi thực hiện chuyển đổi hình thức hoạt động của doanh nghiệp sang Công ty cổ phần, Cảng sẽ chú trọng đến công tác quản trị doanh nghiệp, đặc biệt là quản trị nguồn nhân lực.

Trước tiên, Cảng sẽ tiến hành chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả theo mô hình hoạt động mới, đảm bảo đúng mô hình hoạt động đã được phê duyệt. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp. Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá doanh nghiệp.

Cảng cũng sẽ tiến hành xây dựng phương pháp quản trị doanh nghiệp một cách toàn diện và hiệu quả. Xây dựng cơ chế, quy chế quản trị phù hợp với các chuẩn mực tiên tiến cho Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty từ việc quản trị chi phí, quản trị tài chính, quản trị kế hoạch sản xuất, quản trị thiết bị-tài sản, quản trị nhân sự ... để nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Xây dựng, cải tiến các tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho các qui trình nghiệp vụ, phương án giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đồng thời, Cảng Nghệ Tĩnh sẽ chú trọng tới việc nâng cao năng lực nhân sự thông qua các khóa đào tạo, đào tạo lại đội ngũ CBCNV; có chính sách thu hút nhân lực trình độ cao về Cảng làm việc; xây dựng lại quy chế tiền lương, tiền thưởng đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, phát huy tối đa năng lực của người lao động.

4.2.2. Phát triển thị trường, đầu tư hạ tầng công nghệ

Công ty đã lập kế hoạch xây dựng Cảng Nghệ Tĩnh trở thành một thương cảng quốc tế, cảng trọng điểm của khu vực Bắc Trung bộ, là đầu mối giao thương của tỉnh miền Trung và Lào với các nước trong khu vực và thế giới. Để thực hiện kế hoạch đó, ngoài việc tiếp tục chăm sóc các khách hàng cũ, để duy trì mối quan hệ bền vững, Công ty còn tiếp tục phát triển các khách hàng mới để có mức tăng trưởng doanh thu, tận dụng hết các lợi thế sẵn có.

Từng bước đầu tư thiết bị, công cụ xếp dỡ hiện đại để nâng cao năng suất lao động, nâng cấp mở rộng hạ tầng kho, bãi, mua các thiết bị, công cụ hiện đại, phần mềm quản lý khai thác,...vv để đáp ứng tốt hơn nhu cầu xuất khẩu hàng hóa trong khu vực thông qua Cảng

4.2.3. Hoạt động kinh doanh khác

Ngoài việc tăng cường dịch vụ thu bốc xếp hàng hóa, Công ty sẽ tập trung duy trì và phát triển hệ thống kho bãi cho phù hợp với sản lượng hàng hóa ngày cảng tăng thông qua cảng. Đồng thời nghiên cứu, áp dụng các công nghệ quản lý mới tạo ra sự tối ưu hóa cho việc sử dụng các kho, bãi.

Kinh doanh các dịch vụ khác: Đầu tư từng bước có trọng tâm, trọng điểm nhằm không ngừng đẩy mạnh các loại hình kinh doanh khác như: Đưa đón, hỗ trợ tàu ra vào Cảng, đại lý kinh doanh cung ứng xăng dầu - xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động SXKD của Cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu; cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển.....

4.2.4. Giải pháp về tài chính, vốn

Cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư; Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; thực hiện tiết giảm chi phí, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển vốn.

5. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, ĐĂNG KÝ LƯU KÝ, GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN

5.1. Đăng ký công ty đại chúng, đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng khoán

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5.2. Đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán

Sau khi hoàn thành các thủ tục tại mục 5.1, nếu công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ thực hiện bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

PHẦN IV: CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

Chúng tôi xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty và/hoặc giá cổ phiếu Công ty mà các nhà đầu tư cần cân nhắc trước khi quyết định đăng ký đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh.

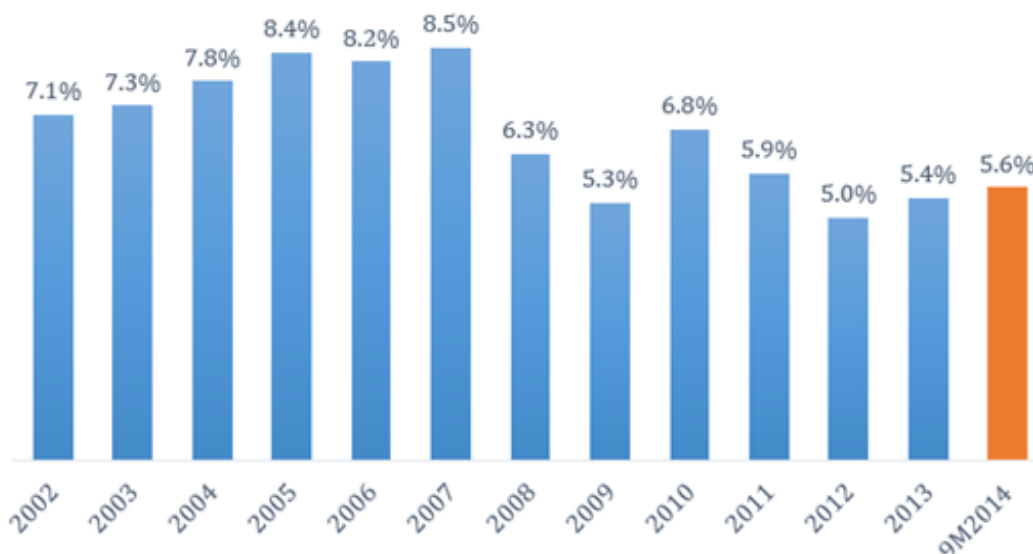
1. RỦI RO KINH TẾ

Những biến động của nền kinh tế vĩ mô thể hiện ở tốc độ tăng trưởng, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá,... sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, v.v...

1.1. Tốc độ tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm cho thấy Việt Nam chịu ảnh hưởng tương đối lớn từ biến động của nền kinh tế thế giới. Giai đoạn 2002 - 2007, khi nền kinh tế thế giới nằm trong chu kỳ tăng trưởng, Việt Nam cũng đạt được mức tăng trưởng bình quân 7,9%/năm. Bước sang 2008, khủng hoảng tài chính tín dụng và bất động sản bùng phát tại Mỹ và lan rộng ra toàn cầu kéo theo sự sụt giảm mức tăng trưởng kinh tế của gần như tất cả các nước trên thế giới, GDP Việt Nam theo đó chỉ tăng được 6,3% so với năm 2007 - 8,5%. Trong các năm tiếp theo, khi kinh tế thế giới chưa kịp hồi phục hoàn toàn thì khu vực Châu Âu lại rơi vào khủng hoảng nợ công và lan rộng sang các nước khác. Theo đó, mức tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam từ năm 2008 cho tới nay chỉ đạt 5,7%.

Hình 4: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm (%)

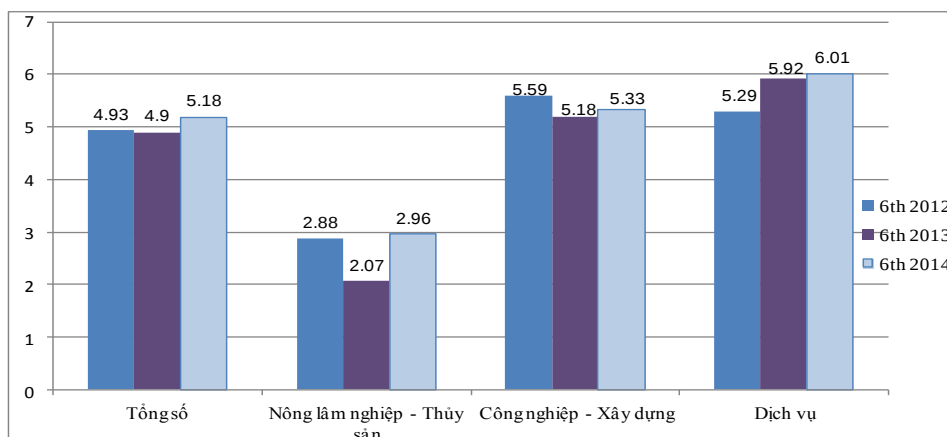


Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2013, nền kinh tế Việt Nam đã nỗ lực có được những thành tựu đáng kể, sản xuất bước đầu đã hồi phục, lạm phát ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, tỷ giá, thị trường vàng ổn định, thanh khoản ngân hàng tốt hơn. Kết thúc 09 tháng đầu năm 2014, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,62%, mức tăng trưởng này cao hơn nhiều so với mức tăng của cùng kỳ 2 năm trước (năm 2013 là 5,14%, năm

2012 là 5,1%). Tuy nhiên, Chính phủ cũng nhìn nhận nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn khi tổng cầu còn yếu, tăng trưởng tín dụng đạt thấp, xử lý nợ xấu chậm, hiệu quả chưa cao. Do đó, các doanh nghiệp - đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành dịch vụ chịu tác động trực tiếp từ biến động tổng cầu của nền kinh tế - cần có định hướng và chính sách cụ thể để có thể ứng biến kịp thời trước những khó khăn chung của nền kinh tế.

Hình 5: Đóng góp tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2012 – 2014 của các ngành kinh tế

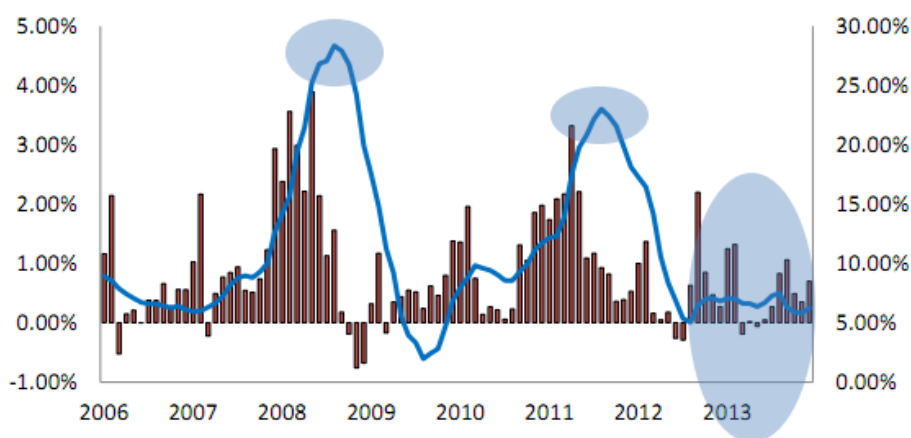


Nguồn: Tổng cục thống kê

1.2. Lạm phát

Cũng như biến số GDP, chỉ số giá tiêu dùng CPI cũng chịu tác động lớn từ biến động nền kinh tế thế giới. Trong những năm gần đây, nền kinh tế luôn ở trong tình trạng lạm phát cao và biến động mạnh qua các năm, đạt đỉnh điểm ở mức 22,97% năm 2008, và tiếp tục ở mức hai con số năm 2010, 2011. Năm 2013, lạm phát ở mức thấp nhất trong 10 năm qua và đạt 6,04%, nhưng nguyên nhân chủ yếu là sự suy yếu của sức cầu trong nền kinh tế, nhưng cũng là thành tựu của Ngân hàng Nhà nước khi đồng nhất chính sách tiền tệ, linh hoạt trong điều tiết cung tiền.

Hình 6: Tốc độ lạm phát qua các năm (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Chỉ số giá tiêu dùng 09 tháng đầu năm 2014 so với cùng kỳ năm 2013 tăng 4,61%, tăng 2,25% so với tháng 12/2013. Tốc độ tăng chỉ số tiêu dùng theo tháng của năm 2014 chậm, vì vậy có thể dự

báo mục tiêu lạm phát của năm 2014 dưới 7% sẽ đạt được, và có thể thấp hơn mức 7%. Do vậy, có thể nói đây là mức lạm phát thấp nhất trong vòng 11 năm trở lại đây. Lạm phát thấp sẽ làm giảm chi phí đầu vào cho các doanh nghiệp, do vậy sẽ kích thích được tiêu dùng và làm tăng doanh thu của doanh nghiệp.

1.3. Lãi suất

Năm 2013, chính sách lãi suất được đánh giá là điều hành phù hợp với diễn biến của nền kinh tế vĩ mô, đặc biệt là diễn biến của lạm phát. Trong năm 2013, các mức lãi suất điều hành của NHNN được điều chỉnh giảm hai lần. Trên thị trường 1, NHNN đã thực hiện giảm 3% lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên; giảm 1% lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND. Đồng thời từ tháng 6/2013, NHNN đã cho phép các Tổ chức tín dụng tự ấn định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Đây là bước đi cần thiết để NHNN hướng tới thực hiện tự do hóa lãi suất. Diễn biến lãi suất trên thị trường liên ngân hàng theo sát với lãi suất chỉ đạo của NHNN và giảm mạnh. Lãi suất huy động giảm liên tục khoảng từ 2 - 4%, lãi suất cho vay giảm từ 3 - 5% so với mức lãi suất cuối năm 2012. Điều này không những phản ánh tính thanh khoản của các Tổ chức tín dụng ngày càng ổn định, mà còn biểu hiện tính dẫn dắt thị trường của NHNN ngày càng tăng.

Với việc mặt bằng lãi suất hiện tại đã ở mức khá thấp, tương đương với thời kỳ năm 2005-2006, chi phí lãi vay của doanh nghiệp có cơ hội giảm. Năm 2014 được đánh giá là lãi suất sẽ ổn định, khó có dư địa để giảm thêm, việc hưởng lợi từ giảm mạnh chi phí lãi vay sẽ không còn. Việc thúc đẩy xử lý nợ xấu và kiểm soát tốt lạm phát giúp ổn định mặt bằng lãi suất sẽ là điểm tựa cho sự phục hồi tốt hơn của đầu tư tư nhân, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2014. Tăng trưởng GDP cả năm 2014 được dự báo vào khoảng 5,6%-5,8%.

Trong năm 2014, khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp sẽ phụ thuộc vào hai yếu tố chính là tốc độ xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng và những yếu tố cơ bản của chính bản thân doanh nghiệp.

Diễn biến lãi suất 9 tháng đầu năm cho thấy mặt bằng lãi suất vay và cho vay bằng VND đã giảm 0,5 – 1,5%/năm so với cuối năm 2013, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ.

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

Cảng Nghệ Tĩnh đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, do đó chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời đấu giá thành công ra công chúng, Công ty đủ điều kiện thành Công ty đại chúng và phải thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định. Công ty phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán, các quy định riêng cho Công ty đại chúng và Công ty niêm yết. Trong giai đoạn chuyển đổi, Công ty phải nắm bắt nhiều

quy định mới, do đó có thể phát sinh những rủi ro về mặt pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Mặt khác, Việt Nam trong những năm gần đây, thông qua hoạt động lập pháp, Quốc hội đã dần tạo lập được khung pháp lý và hệ thống Luật pháp khá đầy đủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, vẫn trong quá trình phải sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện dần nên vẫn tiềm tàng một số rủi ro về pháp lý cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Doanh nghiệp hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

3. RỦI RO ĐẶC THÙ

3.1. Rủi ro cạnh tranh ngành

Hiện nay, vấn đề quy hoạch cảng biển chưa có chiến lược rõ ràng đã dẫn tới tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong ngành. Tính tới tháng 8 năm 2014, Việt Nam đã xây dựng được 44 cảng biển các loại, hệ thống cảng biển có khoảng 219 bến cảng với gần 43,6km cầu cảng và hàng chục khu chuyển tải, trong đó chỉ có khoảng 10 cảng có đủ điều kiện tiếp nhận tàu trọng tải cỡ trung bình của thế giới (*theo Cục Hàng hải Việt Nam*). Với khối lượng hàng hóa thông qua hầu hết các cảng biển chỉ xấp xỉ 16% công suất thiết kế khiến cho các doanh nghiệp khai thác cảng thiếu nguồn hàng trầm trọng, dẫn tới việc cạnh tranh không lành mạnh về giá giữa các cảng. Trong khi đó, kinh tế biển là vùng kinh tế trọng điểm của miền Trung, nhưng quy mô hoạt động của các cảng tại miền Bắc Trung (từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh) đều nhỏ, nguồn hàng chưa dồi dào khiến cho Cảng Nghệ Tĩnh càng gặp khó khăn hơn trong việc cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, với định hướng chiến lược phát triển ngành cảng biển đã được thông qua tại Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng X, phát triển kinh tế biển và phát triển ngành khai thác vận tải biển hướng tới mục tiêu kinh tế biển và vùng kinh tế biển chiếm tới 53%-55% GDP cả nước, Cảng Nghệ Tĩnh sẽ có cơ hội chuyển mình, trở thành một đơn vị có năng lực trong ngành hàng hải.

3.2. Rủi ro về nguyên nhiên liệu

Đối với doanh nghiệp khai thác cảng, nguyên liệu đầu vào chủ yếu là xăng dầu – một mặt hàng gần như độc quyền trong nước và thường xuyên có biến động về giá. Trong khi đó, tình hình chính trị trên thế giới liên tục bất ổn, khiến cho giá cả của nguồn nguyên liệu khan hiếm này được dự báo sẽ tăng mạnh trong tương lai. Điều này tác động rất lớn tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải nói chung, cũng như đối với các hãng tàu, vận tải biển, khai thác cảng nói riêng. Để có thể hạn chế được tối đa rủi ro về nguyên liệu, trong thời gian tới, Cảng Nghệ Tĩnh cần đưa ra những dự báo về thị trường, dự báo về mức giá để chủ động hơn về nguồn nguyên nhiên liệu phục vụ hoạt động kinh doanh khai thác cảng của Công ty.

4. RỦI RO LIÊN QUAN TỚI CÁC VẤN ĐỀ CẦN XỬ LÝ KHI CỔ PHẦN HÓA VÀ BÀN GIAO SANG CÔNG TY CỔ PHẦN

Cảng Nghệ Tĩnh sau khi chuyển từ Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần cần tiếp tục xử lý các vấn đề phát sinh và thực hiện quyết toán bàn giao vốn, tài sản từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Việc xử lý các vấn đề phát sinh và thực hiện quyết toán bàn giao vốn, tài sản có thể ảnh hưởng đến giá trị vốn góp Nhà nước tại Công ty cổ phần và có thể phát sinh dòng tiền phải nộp Nhà nước.

5. RỦI RO TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

Cảng Nghệ Tĩnh thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng trong bối cảnh thị trường chứng khoán đã có sự khởi sắc, kinh tế vĩ mô duy trì được sự ổn định, tuy nhiên nền kinh tế vẫn đang trong quá trình tái cơ cấu nên vẫn còn nhiều thách thức khó dự báo.

Trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh tái cơ cấu các Tổng Công ty, tập đoàn, doanh nghiệp Nhà nước, hàng loạt các đơn vị phải thực hiện thoái vốn, chào bán cổ phần, do đó cung hàng hoá ra thị trường rất lớn, ảnh hưởng đến khả năng chào bán thành công của các đợt bán đấu giá.

6. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty.

Đặc biệt đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thì các rủi ro như thiên tai, bão lũ sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

1. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ VIỆC BÁN ĐẦU GIÁ

❖ Cổ phần chào bán	:	3.894.156 cổ phần
❖ Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
❖ Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phần
❖ Giá khởi điểm	:	10.100 đồng/cổ phần
❖ Bước giá	:	100 đồng
❖ Số mức giá	:	02 mức giá
❖ Bước khối lượng	:	100 cổ phần (trừ trường hợp đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán)
❖ Số lượng cổ phần tối thiểu nhà đầu tư được phép mua	:	100 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT trong nước được phép mua	:	3.894.156 cổ phần
❖ Số lượng cổ phần tối đa NĐT nước ngoài được phép mua	:	3.894.156 cổ phần
❖ Thời gian nhận hồ sơ tham gia đấu giá, nhận tiền nộp đặt cọc	:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành
❖ Thời gian tiến hành đấu giá	:	8 giờ 30 phút ngày 31/12/2014
❖ Địa điểm tổ chức đấu giá	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, số 02 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
❖ Thời gian nộp tiền mua cổ phần	:	Theo Quy chế bán đấu giá của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành

2. ĐỐI TƯỢNG MUA CỔ PHẦN

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ.

Cổ phần phát hành cho người lao động được phân phối theo danh sách được duyệt.

Cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn Công ty theo phương án cổ phần hóa được phê duyệt

Cổ phần phát hành cho các nhà đầu tư khác được phân phối thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

3. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN

TT	Đối tượng	Giá trị	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Vốn nhà nước	109.737.720.000	10.973.772	51,00%
2	Bán ưu đãi cho CBCNV	6.914.000.000	691.400	3,21%
3	Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc	14.182.000.000	1.418.200	6,59%
4	Bán cho công đoàn	6.455.160.000	645.516	3,00%
5	Bán cho đối tác chiến lược	38.941.560.000	3.894.156	18,10%
6	Bán đấu giá cổ phần IPO	38.941.560.000	3.894.156	18,10%
Vốn điều lệ		215.172.000.000	21.517.200	100%

❖ Cổ phần bán cho người lao động

Tổng số lượng cổ phần bán ưu đãi cho người lao động (bao gồm cả bán ưu đãi theo năm đã làm việc và bán theo năm cam kết làm việc): 2.109.600 cổ phần, chiếm 9,8% vốn điều lệ.

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho Người lao động là nhằm gắn kết người lao động với Công ty và tạo động lực để người lao động gắn bó, cống hiến cho sự phát triển của Công ty sau cổ phần hóa.

❖ Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn

- Số cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn là 645.516 cổ phần với tổng mệnh giá là 6.455.160.000 đồng chiếm 3% vốn điều lệ.
- Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.
- Thời gian thực hiện: sau khi thực hiện đấu giá công khai

❖ Số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

- Tổng số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 3.894.156 cổ phần, chiếm 18,10% vốn điều lệ.
- Thời gian thực hiện: sau khi bán đấu giá công khai

❖ Cổ phần bán đấu giá công khai

- Số lượng cổ phần chào bán : 3.894.156 cổ phần, chiếm 18,10% vốn điều lệ
- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng
- Giá khởi điểm : 10.100 đồng/cổ phần

- Đặt cọc: 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Đối tượng tham gia: Các tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh.
- Tổ chức bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

4. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Thông tin cụ thể liên quan đến Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh và đợt đấu giá được công bố tại các địa điểm sau và các Đại lý đấu giá:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ : Số 02, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Website : <http://www.hnx.vn>

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG NGHỆ TĨNH

Địa chỉ : Số 10, Đường Trường Thi, Tp.Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 038.3847143, Fax: 038.3847142

Website : www.nghetinhport.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

Trụ sở chính : Số 2A, Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04 3726 2222 Fax: 04 3726 2305

Website : www.shbs.com.vn

5. THỜI GIAN THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN VÀ HOÀN TRẢ TIỀN ĐẶT CỌC

Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

6. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HOÁ

Bảng 21: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hoá

Kế hoạch hoàn vốn nhà nước	ĐVT	Số tiền
1.Vốn điều lệ của công ty cổ phần:	đồng	215.172.000.000
2. Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp :	đồng	215.172.591.316
3. Chênh lệch vốn nhà nước thực tế và vốn điều lệ ((2) –(1))	đồng	591.316
4. Vốn Nhà nước tại công ty cổ phần theo mệnh giá	đồng	109.737.720.000
5. Giá trị tính theo mệnh giá cổ phần bán cho Người lao động,	đồng	105.434.280.000

Kế hoạch hoàn vốn nhà nước	ĐVT	Số tiền
Tổ chức Công đoàn, đối tác chiến lược và bán đấu giá ra công chúng		
6. Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa:	đồng	101.087.482.160
6.1. Thu từ bán cổ phần cho CBCNV:	đồng	18.513.704.000
<i>Trong đó:</i>		
+ Thu từ bán cổ phần ưu đãi CBCNV (60% x 691.400 CP x 10.100 đồng/CP)	đồng	4.189.884.000
+ Thu từ bán cổ phần CBCNV theo năm cam kết làm việc (1.418.200 CP x 10.100 đồng/CP)	đồng	14.323.820.000
6.2. Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho công đoàn: (60% x 645.516 CP x 10.100 đồng/CP)	đồng	3.911.826.960
6.3. Thu từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược: (3.894.156CP x 10.100 đồng/CP)	đồng	39.330.975.600
6.4. Thu từ bán đấu giá cổ phần: (3.894.156CP x 10.100 đồng/CP)	đồng	39.330.975.600
7. Chi phí cổ phần hóa:	đồng	500.000.000
8. Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư:		3.626.231.750
9. Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm trên vốn điều lệ: Do thặng dư bán cổ phần không đủ bù đắp khoản 40% giá trị cổ phần ưu đãi cho CBCNV và công đoàn (tính theo giá bán CP) và chi phí CPH nên xác định thặng dư vốn để lại DN bằng 0	đồng	0
10. Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN khi CPH (2-4-5+6-7-8):	đồng	96.961.841.726

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Ghi chú: việc tính toán trên dựa theo các giả định (i) chào bán hết số cổ phần dự định bán cho các đối tượng theo phương án, (ii) Giá bán dự kiến tạm tính theo đúng giá khởi điểm là: 10.100 đồng/cổ phần. Số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ căn cứ theo số tiền thực tế thu được theo kết quả bán cổ phần và theo đúng các quy định của Pháp luật.

PHẦN VI: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ – HHVN ngày 25 tháng 03 năm 2014 (và quyết định số 476/QĐ-HHVN ngày 04 tháng 9 năm 2014 về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh) của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Trưởng Ban
2	Ông Lê Phan Linh	Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam- Phó Trưởng ban thường trực
3	Ông Đỗ Tiến Đức	Thành viên HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Phó Trưởng ban
4	Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cảng Nghệ Tĩnh – Phó Trưởng ban
5	Bà Vũ Thị Thanh Duyên	Cán bộ, Ban Kế toán Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên thường trực
6	Bà Phạm Quỳnh Anh	Phó Trưởng Ban Tài chính và Quản lý vốn góp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên
7	Bà Đỗ Bích Ngọc	Phó Trưởng Ban Pháp chế thanh tra Tổng công ty Hàng hải Việt Nam- Ủy viên
8	Ông Trịnh Hữu Lương	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên
9	Ông Trần Tuấn Hải	Phó Trưởng Ban Phụ trách ban Đổi mới doanh nghiệp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên
10	Ông Nguyễn Đại Dũng	Phó Trưởng Ban kế hoạch đầu tư Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên
11	Bà Trần Thị Kiều Oanh	Phó trưởng Ban Tổ chức Tiền lương Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên
12	Ông Hoàng Quốc Phương	Cán bộ, Ban Quản lý cảng biển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên
13	Ông Nguyễn Hà Thắng	Cán bộ, Ban Quản lý công trình Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên

TT	Họ và tên	Chức danh
14	Ông Lê Duy Dương	Phó trưởng ban Tài chính và Quản lý vốn góp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên Thư ký
15	Nguyễn Danh Sơn	Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được doanh nghiệp cổ phần hóa cung cấp.

2. Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

- ❖ Ông Lê Doãn Long : Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc – Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh
- ❖ Ông Nguyễn Xuân Hùng : Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được doanh nghiệp cổ phần hóa cung cấp.

3. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB

- ❖ Ông Nguyễn Thế Minh – Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán SHB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn ký giữa Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh và Công ty cổ phần Chứng khoán SHB. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên các tài liệu và thông tin do Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh cung cấp.

Hà Nội, ngày 3 tháng 12 năm 2014

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HOÁ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
NGUYỄN VĂN HẠNH

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG NGHỆ TĨNH

CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



LÊ ĐOÃN LONG

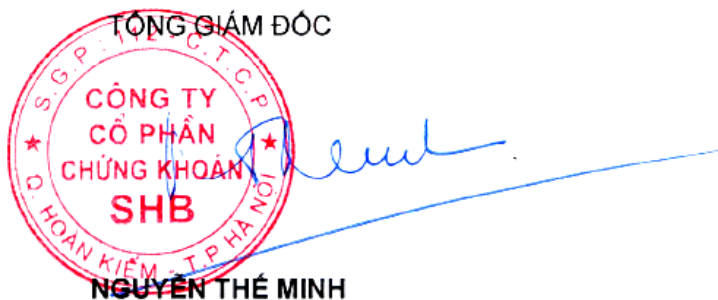
KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN XUÂN HÙNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SHB



NGUYỄN THẾ MINH